

# THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

## QUYỂN 7 (PHẦN ĐẦU)

**Luận:** “Vọng chấp này” đến “tự tánh sai biệt”

Hỏi: Trong pháp tự tánh sai biệt có thể biết, còn hai ngã thì thế nào?

Đáp: Chỉ chung là ngã gọi là tự tánh. Khắp thường đồng khác gọi là sai biệt, tức là uẩn v.v... đều chuẩn theo có thể biết, cũng tức Nhân Minh nói ngã là tự tánh sai biệt v.v...

**Luận:** Điều tợ hiện của sở thủ năng thủ.

Hỏi: Vì sao biết được tợ như năng thủ sở thủ đều gọi là chấp?

Đáp: Nhiếp luận của Vô Tánh quyển 4 ghi: Y tha khởi nghĩa là y nghiệp, phiền não, sở thủ, năng thủ, Biến kế tùy niệm mà được khởi. Lại nói, như ở trước đã nói thân v.v... các thức sở thủ năng thủ hư vọng phân biệt an lập làm tánh.

Lại nói, thí như con nai do sức ái tự tương tục, an lập tợ như nước. Sở thủ năng thủ tánh tà biến kế phải biết đều gọi là y tha khởi tánh. Do đây nên biết có hai thủ đều gọi là chấp.

Hỏi: Hai tướng sở chấp là đồng thời hay không đồng thời?

Đáp: Nghĩa văn này là chung. Lý thật tùy tâm, khi chấp năng thủ có tướng năng thủ, sở thủ cũng vậy chẳng phải tất cả thời chấp hai thủ.

**Luận:** “Nói A-lại-da” đến “là sở duyên”.

Hỏi: Đây là nói muốn chứng gì?

Đáp: Có hai giải thích: Một là chứng năng huân, Hữu lậu bảy thức đều có chấp kia; hai là chứng chung thức tám thức, vì năng sinh nhân đều có chấp này.

Hỏi: Sự này, Thức thứ sáu thừa nhận có hai chấp, hay hai chấp đều không?

Đáp: Có hai giải thích: một là giống như Hộ Pháp, hai là không thừa nhận. Như ngã của Thức thứ bảy không có pháp chấp.

**Luận:** “Kế độ phân biệt năng biến kế”

Đây đồng với Nhiếp luận của Vô Trước nói. Vô Tánh giải thích rằng: Phải biết ý thức là năng biến kế vì có phân biệt. Do có hiển bày, tùy niệm phân biệt lẫn lộn.

Giải thích: Lẫn lộn tức là nghĩa tương ứng câu khởi. Ý thức do cùng với hai thứ phân biệt chung nên có thể phân biệt, ý nói đây là tên khác của kế độ, còn gọi là tư trạch.

**Luận:** Dùng tự danh ngôn huân tập làm chủng tử.

Từ vô tử sinh tử đã có ý thức hý luận danh ngôn huân tập chủng tử làm sinh nhân này.

Giải thích: Hiển tự kiến phần sở huân chủng tử này là tự hiện hành thể thân sinh nhân.

**Luận:** Và dùng tất cả thức danh ngôn huân tập chủng tử.

Nghĩa là vô biên sắc v.v... ảnh hiện danh ngôn của thức huân tập chủng tử làm nhân vì giống như kia sinh. Vì thế cho nên tất cả vô biên hình tướng phân biệt mà chuyển.

Giải thích: Duyên mười tám giới và thức khác v.v... trong tướng phần huân thành chủng tử, gọi chung là dụng tha. Do ý thức kia giống như tất cả sinh, vì thế có vô biên hình tướng chuyển, chẳng phải do năm thức, tám thức mà có điều này.

**Luận:** “Người chấp ngã pháp nhất định cho là tuệ”

Hỏi: Hộ Pháp nói năm thức được cùng với tuệ chung. Nay vặn hỏi khác lẽ nào không tự trái sao?

Đáp: Có hai giải thích: Một là năm thức không thắng tuệ cho nên yếu kém không thể chấp, hai là nhân này chỉ vặn hỏi thứ Thức thứ tám.

**Biện rằng:** Phàm có chấp thì quyết có tuệ chung, không nói có tuệ đều là chấp kia. Do Hữu lậu tâm kia đều chấp trước. Vì thế dùng không tuệ mà vặn hỏi có. Cho nên hai giải thích chưa phải là giải thích khéo, nhưng không lìa vặn hỏi, suy nghĩ có thể biết.

**Sớ:** “Chuẩn theo luận Nhị Thập Duy Thức giải thích” đến “cũng có pháp chấp”.

Nhị Thập Duy Thức nói Tha tâm trí thông Hữu lậu và Vô lậu. Giải thích Vô lậu Tha tâm trí có ba nghĩa. Thứ nhất giải thích Vô lậu Tha tâm trí của Bồ-tát thể cũng có pháp chấp. Luận nói không biết như Phật trí, rõ ràng nói biết có chấp, không biết tức là nghĩa vô tri. Do vô tri kia dụ như chưa đoạn nên che lấp tâm nên không bằng Phật.

**Sớ:** Nghĩa bài kệ của An-đà-sư.

Xét kinh kia ghi: “Như vô minh và các kiến chấp là một tướng

thì lẽ ra không có ràng buộc và giải thoát, phàm và thánh không hai, vì sao? Vì phiền não đồng một thể tướng. Vì sao vậy? Vì cùng một tâm sinh diệt, một thời không sai không khác. Nay Phật tử! Nếu được ràng buộc và giải thoát một tướng thì bốn đại có thể là một, sáu vị lẽ ra không khác, mà trái lại rất khác nhau cho nên ràng buộc và giải thoát cũng vậy. Nay Phật tử! Tất cả Bồ-tát khi còn phàm phu đầy đủ tất cả kiết sử, nhưng khi đoạn thì phần thô đoạn trước phần tế trừ sau. Nếu tâm phiền não là một thì không thể sáng tối có hai. Nay Phật tử! Lại lấy gần để so sánh xa. Trong tâm thiện của phàm còn không đâu không thiện, huống gì trong tâm vô tướng mà có vô minh. Nay Phật tử! Nói thiện và ác một tâm. Đây là trong nước của vua Bình Sa có bài kệ của ngoại đạo An-đà-sư rằng: “Sáng tối một tướng, hiện ác một tâm”.

**Luận:** “Thức phẩm tuy hai” đến “nên nói kia kia”.

Đây phân biệt giống như sơ đã nói. Luận cũng nói rộng nên ở đây không thể chép đủ. Nay tùy theo chỗ cốt yếu mà sơ lược. Hai biến kế trong quyển 73, xét luận kia ghi: Vô sai biệt nghĩa là Biến kế tất cả tên gọi của tất cả pháp. Hữu sai biệt nghĩa là biến kế, tên này là sắc v.v... các pháp, mỗi mỗi đều có tên khác.

Giải thích: Tổng chấp các tên là thật có nên gọi là vô sai biệt. Lại Gia hạnh chấp gồm:

Một là Gia hạnh chấp lại có năm tên: tham, sân, hợp hội, biệt ly và xả.

Giải thích: Do Gia hạnh này mà khởi chấp, tham sân như thứ lớp làm biệt ly và hợp hội hai Gia hạnh.

Hai là tên gọi thì thiết chấp lại có hai: không văn tự và có văn tự sở tác. Không văn tự sở tác nghĩa là chấp đây là vật gì? Thế nào là vật này? Vật này vì sao gọi là vật này? Văn tự sở tác nghĩa là chấp đây là vật này, vật này như thế này. Đó là năm uẩn, ba tánh, Hữu vi, Vô vi v.v... đồng với luận Hiện Dương.

Lại phân biệt tự thể, nghĩa là trong tám thứ phân biệt, nay nói tương nhiếp. Lại tùy giác v.v... giải thích rằng, như hiện và chủng là năng biến kế cảnh tâm sở chấp. Lại xét quyển 73, chấp tự tướng v.v... bốn thứ sai biệt, nghĩa là chấp ba khoa tự tánh các pháp gọi là chấp tự tánh. Đó là chấp sắc v.v... tất cả các pháp, có kiến vô kiến, Hữu lậu Vô lậu v.v... tất cả đạo lý sai biệt gọi là chấp sai biệt. Chấp sắc v.v... tất cả các pháp đây kia đều ba cõi ba tánh, Hữu lậu, Vô lậu v.v... tâm và tâm sở thủ gọi là chấp sở thủ. Chấp sắc v.v... năng thủ các sắc, và chấp tâm vương tâm sở năng thủ các pháp gọi là chấp năng thủ.

Lại y theo tên chấp nghĩa, xét Nhiếp luận của Vô Tánh quyển 5 ghi:

1. Y tên biến kế nghĩa tự tánh: Nghĩa là tên như vậy có nghĩa như vậy.
2. Y nghĩa biến kế tên tự tánh: Nghĩa là nghĩa như vậy có tên như vậy.
3. Y tên biến kế tên tự tánh: Nghĩa là biến kế độ tên chưa hiểu nghĩa.

Giải thích: Nghĩa là rõ được tên kia, chưa rõ được việc kia, chấp tên cho là thật. Vì thế luận Du-già ghi: sự bất liễu sắc phân biệt tên sắc.

4. Y nghĩa biến kế nghĩa tự tánh: Nghĩa là biến kế độ chưa rõ tên nghĩa.

5. Y hai biến kế hai tự tánh: Nghĩa là biến kế độ tên này nghĩa này như thể tánh này.

Lại xét quyển 73, biến kế nghĩa tự tánh v.v... năm thứ sai biệt:

1. Nghĩa tự tánh: có bốn sai biệt, tức trước dẫn biến kế năng thủ, sở thủ v.v... bốn loại.
2. Danh tự tánh: Tức trước dẫn sai biệt và vô sai biệt hai tên.
3. Nhiễm tự tánh: Chấp sắc này có tham, sân, si là không thể xa lìa sự ràng buộc của tham, sân, si. Lại cùng với tất cả pháp thiện không tương ứng, chấp các uẩn v.v... cũng như vậy.
4. Tịnh tự tánh: Trái với nhiễm tự tánh, nên biết.
5. Phi nhiễm tịnh: Chỉ chấp các pháp là năng sở thủ.

Lại trong Hiền Dương quyển 16, Gia hạnh thứ năm tức hai thứ Gia hạnh trước vậy. Gia hạnh thứ sáu không có văn, cũng giống hai thứ trước, vì thế không dẫn lại.

Xét luận Du-già quyển 36 nói tám thứ phân biệt. Phân biệt các thứ tự tánh của sắc v.v... gọi là Tự tánh phân biệt. Phân biệt sắc v.v... có kiến chấp không kiến chấp, ba tánh ba cõi ba đời đối với tất cả đạo lý, gọi là Sai biệt phân biệt. Tổng chấp tất cả tình cùng vô tình, các pháp giả và thật, nhân đó khởi phân biệt, gọi là Tổng chấp phân biệt. Y năm uẩn v.v... mà chấp là ngã và ngã sở, gọi là hai loại Ngã phân biệt và Ngã sở phân biệt. Duyên các tịnh diệu và cảnh vừa ý mà sinh phân biệt gọi là Ái phân biệt. Duyên pháp bất tịnh và cảnh không vừa ý mà khởi phân biệt gọi là Phi ái phân biệt. Duyên pháp tịnh và bất tịnh và lìa cảnh vừa ý không vừa ý mà sinh phân biệt gọi là Câu tương vi phân biệt.

Sinh có ba sự: Ba pháp phân biệt sinh sự thứ nhất, hai thứ phân biệt kể đến là sinh sự thứ hai, ba thứ phân biệt sau là sinh sự thứ ba.

Lại trong Nhiếp luận v.v... nói mười thứ phân biệt.

Giải thích: Mười thứ phân biệt là năng phân biệt. Mười thứ luận Đối Pháp là năng phân biệt và sở phân biệt đều gọi là phân biệt. Như phần sao của luận kia tổng hợp.

Xét luận Vô Tánh ghi: A-lại-da là phân biệt căn bản. Tự tánh cũng là phân biệt cho nên gọi là căn bản. Duyên tướng phân biệt là phân biệt sắc v.v... có tướng như vậy. Hiện tướng phân biệt, nghĩa là nhãn thức v.v... cùng sở y thức hiển hiện dường như tướng sở duyên kia.

Giải thích: Các thức như nhãn v.v... đều lấy ý thức.

Sở y thức là Mạt-na, tức sáu chuyển thức có thể hiện dường như tướng sở duyên kia gọi là hiện tướng. Duyên tướng biến đổi phân biệt, nghĩa là tợ sắc v.v... ảnh thức biến đổi mà khởi phân biệt.

Giải thích: Tức tướng sở duyên mà có biến đổi. Năng duyên phân biệt từ nó lập tên, nghĩa là già bệnh ba thứ thọ, tham sân si v.v... làm duyên biến đổi, khiến cho thân sắc kia có sự biến đổi. Thể biến đổi tức là sắc thân v.v... như nói vui vẻ nên mặt đoan nghiêm. Hiện tướng biến đổi phân biệt, nghĩa là do nhãn v.v... làm sở y căn, khiến cho ảnh tượng của sắc v.v... hiển hiện. Các thức như nhãn v.v... có vô số biến đổi, tức đối trong này khởi các phân biệt, tức như trước đã nói lão v.v... biến đổi.

Giải thích: Do sở y căn thân biến đổi khiến thức năng y cũng có biến đổi. Nêu hiển hiện cảnh sắc của năm trần, ý lấy thức năng duyên phân biệt, nghĩa là lão v.v... là hiển duyên biến đổi giống như trước, còn lại như sơ dẫn, vẫn có thể biết.

Lại trong Nhiếp luận có mười thứ tán động:

1. Không tướng
2. Có tướng
3. Tăng ích
4. Tồn giảm
5. Một tánh
6. Dị tánh
7. Tự tánh
8. Sai biệt
9. Như tên lấy nghĩa
10. Như nghĩa lấy tên

Vì đối trị mười thứ tán động này, nên trong tất cả Bát-nhã Ba-la-

mật-đa nói trí vô phân biệt.

Giải thích: Tán động tức là tên khác của phân biệt.

Lại luận Đối Pháp quyển 12 nói kiến vô kiến mười loại, đây tức trong hai mươi tám kiến thâm nhiếp, cho nên nay không dẫn.

Lại trong quyển 77 có mười thứ tướng, trừ ra mười tám thứ Không, luận kia nói rất rộng, nay dẫn tóm tắt, có mười thứ tướng Không, có thể trừ bỏ.

1. Liễu tri pháp nghĩa có tướng văn tự, tất cả pháp Không, có thể trừ bỏ.

2. Liễu an lập Chân như nghĩa, cho nên có các tướng sinh diệt tướng tục chuyển. Đây là do tướng Không và trước sau không, có thể trừ bỏ.

3. Liễu năng thủ có luyện tiếc thân và tướng ngã mạn. Đây là do nội Không và vô sở đắc Không, có thể trừ bỏ.

4. Liễu sở thủ có tướng mền tiếc tài. Do ngoài Không, có thể trừ bỏ.

5. Thọ dụng nam nữ thừa sự và tự cụ tướng ứng, trong có an lạc, ngoài tướng tịnh diệu. Do bản tánh trong ngoài Không, trừ bỏ.

6. Liễu kiến lập có lượng tướng, đại Không, trừ bỏ.

7. Liễu Vô sắc, trong có tướng vắng lặng giải thoát pháp Hữu vi Không, trừ bỏ.

8. Liễu tướng Chân như có hai tướng vô ngã nhân và pháp và tướng thức Thắng nghĩa rốt ráo vô tánh, tự tánh vô tánh và thắng nghĩa Không, trừ bỏ.

9. Liễu rõ Chân như thanh tịnh có tướng Vô vi, không có tướng biến đổi, Vô vi và không biến đổi cả hai Không, trừ bỏ.

10. Tức đối với nó đối trị tánh Không, tác ý tư duy tướng tánh Không. Đây là do không Không, trừ bỏ.

Lại mười hai thứ phân biệt, xét trong kinh Lăng-già quyển 4 ghi:

1. Ưu đấm trước các thứ ngôn ngữ, âm thanh tốt đẹp gọi là Ngôn ngữ phân biệt.

2. Khởi tư duy như vậy, lẽ ra có tướng thật sự của pháp trước. Thánh nhân tu hành biết y theo pháp kia sinh ngôn ngữ gọi là Khả tri phân biệt.

3. Họ có thể biết trong cảnh giới, nóng, ướt, động chắc thứ thứ tướng, chấp cho là thật gọi là Tướng phân biệt.

4. Ưu thích vàng, bạc v.v... các thứ cảnh giới thật, gọi là Nghĩa phân biệt.

5. Chuyên nhớ nghĩ hình tướng tự thể của pháp. Pháp này như vậy, như vậy, không khác, không chánh kiến phân biệt gọi là Tự thể phân biệt.

6. Những gì là nhân, những gì là duyên, có nhân tướng vô liễu biệt sinh tướng liễu biệt gọi là Nhân phân biệt.

7. Có, không, một, khác, câu, bất câu, tà kiến, ngoại đạo chấp trước phân biệt, gọi là Kiến phân biệt.

8. Lấy tướng ngã và ngã sở, nói pháp hư vọng gọi là Kiến lập phân biệt.

9. Y các duyên trong pháp có không, sinh tâm chấp trước gọi là Sinh phân biệt.

10. Tất cả pháp xưa nay không sinh, do vốn không nên y nhân duyên có mà không nhân quả, gọi là Vô sinh phân biệt.

11. Những gì là pháp hòa hợp như sợi tơ bằng vàng, những gì là pháp hòa hợp gọi là Hòa hợp phân biệt.

12. Ràng buộc do chấp trước như bị ràng buộc, như người phương tiện cột dây làm gút, cột rồi mở ra, gọi là Phược bất phược phân biệt.

Này Đại Tuệ! Đây gọi là tướng hư vọng phân biệt pháp thể sai khác.

Lại có mười sáu loại. Mười sáu thứ Không bị trừ bỏ, không đã có thể trừ, rõ ràng pháp bị trừ cũng như vậy, sở trừ tức là pháp phân biệt. Phần sau nói pháp sở trừ đều chuẩn theo đây mà biết.

Lại có hai mươi tám kiến. Xét luận Đối Pháp có nói đủ, nay lược nói:

1. Tướng kiến: Nghe Đại thừa mật ý không giáo, chấp trước các tướng vô tánh như vậy, này gọi là Tướng kiến, do đây liền phỉ báng Đức Phật nói ba tánh, bèn khởi:

2. Tổn giảm thi thiết kiến.

3. Tổn giảm phân biệt kiến.

4. Tổn giảm chân thật kiến.

Lại muốn thành lập tà kiến, nhiếp một ít đạo lý y theo kinh liễu nghĩa, phương tiện chuyển biến, khiến thuận theo ý kiến của mình. Do đó lại khởi:

5. Nhiếp thọ kiến.

6. Chuyển biến kiến.

Lại khởi chấp trước, hoặc y theo kiến này mà làm việc thiện và không thiện đều không có tội. Tất cả chương cấu đều được xa lìa. Do đây lại khởi:

7. Vô tội kiến.

8. Xuất ly kiến.

Chấp kiến tự mình rồi đối với kinh Thanh văn và bậc Thanh văn khinh chê, tật đổ. Lại khởi:

9. Khinh hủy kiến.

10. Phẫn phát kiến.

Lại thuận theo ác kiến của mình, điên đảo lập không vô tướng, vô nguyện. Lại nghĩ tự mình ngộ và giác ngộ cho người khác. Pháp tánh sở lập tất cả đều sinh vô lượng công đức lại khởi:

11. Điên đảo kiến.

12. Xuất sinh kiến.

Do đây, dùng lý trách sở lập, không lập tự tông và dùng cơ lộng vọng lý trách người khác, nên khởi:

13. Bất lập tông kiến.

14. Kiêu loạn kiến.

Lại khởi tâm kiêu mạn cho là tu như vậy, chân thật cứng dường kính chư Phật như vậy, đây tức là:

15. Kính sự kiến.

Lại người thông suốt kiến bỏ ác kiến dùng lý chân thật, phương tiện khai ngộ, cố chấp không xả tâm, cho rằng chỉ đây là chân còn lại đều là tà vọng. Đây là:

16. Kiên cố ngu si kiến.

Trên đã nói tập khí thô trọng của kiến chấp, đây gọi là:

17. Căn bản kiến.

18. Kiến và vô kiến kiến, tức tướng kiến trước. Đây thật có chấp các tướng vô tánh mà khởi tưởng không chấp tất cả tướng.

19. Xả phương tiện kiến: tức ba kiến trước là tổn giảm, thi thiết, phân biệt và chân thật, kiêu mạn các pháp tánh đối với sự tinh tấn khởi tưởng vô dụng.

20. Bất xuất ly kiến: Tức hai kiến ở trước là nhiếp thọ và chuyển biến, không phương tiện tu và không chứng quả.

21. Chướng tăng ích kiến: Tức hai kiến trước là vô tội và xuất ly, sở hành tà ích không thừa nhận chướng ngại.

22. Sinh tội phước kiến: Tức từ hai kiến khinh hủy và phẫn phát, do đối với chánh pháp đồng phạm hành khởi môn tà hành liền phát sự tổn giảm.

23. Vô công quả kiến: Tức hai kiến điên đảo và xuất sinh lập pháp không có không có người trao, không có người nhận, đều không thể



chứng quả thắng tấn.

24. Thọ nhục kiến: Tức từ hai kiến bất lập tông và kiêu loạn, không đúng lý khởi luận không được thù thắng.

25. Phỉ báng kiến: Tức từ kính sự kiến không nên nói tăng ích mạnh.

26. Bất khả dữ ngôn kiến: Tức kiên cố ngu si kiến. Người tà chấp không không nên cùng nói, vì cùng nói không có ích.

27. Quảng đại kiến: Tức căn bản kiến nói ở trước, do đây có kiến đời sau tăng nhiều.

28. Tăng thượng mạn kiến: Hai mươi bảy kiến trước đều gọi là tăng thượng, đều có thể phát khởi hư vọng, không có thật tăng thượng mạn.

**Luận:** Nhiếp Đại Thừa nói y tha khởi.

Luận kia ghi: Như Biến kế sở chấp tự tánh mà nương theo y tha khởi thì thật không có, dường như nghĩa hiển hiện. Lại nói y tha khởi tự tánh gọi là sở Biến kế.

**Sớ:** Nếu không đối tâm, vì sao lại phải biết.

Hỏi: Nói phải biết là giáo pháp gì để chứng?

Đáp: Luận Du-già quyển 74 ghi: Hỏi: Ba thứ tự tánh có bao nhiêu loại biết khắp? Đáp: Có tất cả, vì thế biết biến kế cũng là pháp sở tri.

**Luận:** “Các Thánh giáo nói” đến “biến sở chấp”.

Xét tâm Trung Biên luận tụng rằng: “Không có hai có không, không có cũng chẳng không, không khác cũng chẳng một, đây nói là không tương”. Trường hàng giải thích rằng: không hai nghĩa là không sở thủ và không năng thủ. Có không nghĩa là có không của hai thủ. Đây tức là hiển không vô tánh tức là tánh.

Giải thích: Hai thủ không tánh gọi là vô tánh. Tánh này chẳng không nên gọi là có không.

**Luận:** Vì sao chẳng phải có, không hai có.

Giải thích: Vọng chấp năng thủ sở thủ là có, không có hai vọng chấp kia là không hai có.

**Luận:** Vì sao chẳng phải không, vì có hai không.

Giải thích: Hai lý thể của vô ngã không đâu chẳng không, nên gọi là có hai không. Không của luận này cùng với hư vọng phân biệt kia không khác, không đồng. Nếu khác thì lẽ ra thành pháp tánh, khác với pháp, liền trái với chánh lý, như khổ v.v... các tánh. Nếu đồng thì lẽ ra không có tịnh trí cảnh, cũng không có cộng tướng.

Giải thích: Khác không nên nói hai Không tánh, nghĩa là các pháp

tánh này cùng với pháp khác. Nếu đồng không nên nói hai Không lý là cảnh vô phân biệt tịnh trí cùng với sự là một.

**Sớ:** Kiến phần và tướng phần đều có vô số hình tướng.

Xét trong Nhiếp luận quyển 4, Vô Tánh giải thích rằng: Trong một thức, một phần biến dịch dường như tướng phần sở thủ, một phần biến dịch dường như kiến phần năng thủ. Hai phần này đều có vô số hình tướng sai biệt đồng thời khởi. Nếu không thừa nhận một thức cùng một lúc có các biết các thứ tướng sai biệt, lẽ ra không có cùng một lúc biết nhiều cảnh.

**Luận:** Mười một thức.

Đây đủ như trong sớ đã nêu. Nay bèn vặn hỏi giải thích. Thân thức là A-lại-da, năm thức thân sở y gọi là thân, nếu như vậy thì Thức thứ sáu cũng y Thức thứ tám vì sao chỉ nói có năm? Đã có ngăn ngại này, nên liền giải thích Thức thứ tám chấp năm căn năm thức mới khởi. Năm căn gọi là thân chấp thân là thức, gọi thân là thức. Thức thứ sáu không nêu. Luận của Thiên Thân cho rằng nhiệm Mạt-na là thân, nghĩa là thức. Thọ và thức gọi là Mạt-na. Do vì Thức thứ sáu không cùng nương. Năm thức không nêu, thức của thọ giả gọi là thọ giả thức.

Hỏi: Vì sao không lấy sáu vô gián diệt ý là hai ba?

Đáp: Vì lia sáu có thể thọ thức không khác, nên không lấy.

**Sớ:** “Trong này đã nói” đến “y tha khởi”.

Trong mười một thứ này, năm là tướng phần. Kia nói mười một đều y tha khởi, vì thế biết tướng phần không phải là Biến kế sở chấp.

Hỏi: Thế, số hai thứ vì sao không phải tướng phần? Vì sao luận kia nói vì ba thời toán số mà ảnh hiện?

Đáp: Nếu luận ảnh tượng thật như sở trách. Sớ căn cứ theo bản kia, cũng chỉ là cảnh tướng, nên chỉ nói năm. Như năm căn v.v... đều là tướng phần của Thức thứ tám, các đường thiện ác thể thật chỉ là báo thức. Thông năng thủ sở thủ tư cụ v.v... mà luận, cho nên các đường cũng là tướng. Thế và số không nêu, suy nghĩ có thể biết.

**Sớ:** Nếu không như vậy thì văn đây là nghĩa đuổi theo tha, không gọi là cực thành.

Nếu vặn hỏi hai phần khác không có tự thể thì lẽ ra không huân chủng. Đây không vặn hỏi như vậy. An Tuệ nói huân chủng không cần có tự thể. Hộ Pháp nay dùng nghĩa tự bức bách tha, không phải là nghĩa cực thành của hai nhà.

**Sớ:** Nhưng chẳng phải tướng phần.

Tuy tự chứng duyên chủng thể, nhưng không phải trong tướng

phần nhiếp, do đó như trong Nghĩa Đăng. Số trước sau nói tướng phần là do nghĩa của Hộ Pháp mà giải thích là tha.

**Số:** Thế nào là duyên tự chứng.

Tự duyên là hiện lượng, duyên chủng là Phi lượng.

**Số:** Giải thích hai câu là hai.

Biến kế và Y tha là hai câu. Hoặc tụng Y tha chỉ có hai câu, văn của khoa đầu ở trước có hai nghĩa: Một là do ba tánh riêng nêu có là ba, hai là do ba tánh chung nên phân làm hai. Biến kế và y tha hợp thành một. Do hai tánh này cần phải tương đối phân biệt.

**Số:** “Nếu là tánh ban đầu” đến “sư trước tổng kết”.

Y theo hai phần khoa, đây tức là đầu tiên do Nan-đà kết.

Hỏi: Nói sở biến kế, trong văn của Hộ Pháp nói rõ bốn. Kết thứ tư chính là văn này, vì sao nay nói là sư trước kết?

Đáp: Do Ngài Nan-đà, hai phần y tha kết văn thuận theo kia, không nói tự chứng phần và chứng tự chứng phần, có một ít giống như Hộ Pháp, ẩn từ tha nói rằng sư trước kết. Trước hiện tự nghĩa nói rằng bốn kết chính cho nên không trái nhau. Hoặc chữ “trước” là viết nhầm, lẽ ra là chữ “sau”, hiển rõ văn kết này không phải của An Tuệ. Đã thông hai nghĩa thì chắc là từ nhiều bản.

**Luận:** Lựa chọn tự cộng tướng hư không ngã.

Có nghĩa số nói cộng tướng như trong Nhân Minh nói, không có thể tánh riêng biệt, nên không thể nói thường, vì thế thường là lựa chọn. Nay giải thích y theo kinh Phật Địa nói khổ và vô thường v.v... Có nghĩa cộng tướng nên có thể gọi là biến. Do vì sinh diệt nên không gọi là thành tự. Lại kinh Phật Địa nói cộng tướng chỉ ngăn mà không biểu lộ, khổ vô thường v.v... có đủ ngăn che và biểu lộ. Trước vô tánh nên sau sinh diệt, vì thế không thể thường, đều là ngăn lựa chọn.

**Biện rằng:** Số không có văn phán định, y theo Nhân Minh không y theo kinh Phật Địa, nhưng nói quán tâm cộng tướng vô thể. Vả lại luận nói không và vô ngã là hai khổ, vô tướng là ba. Luận nói “vân vân”, số không giải thích tùy luận tỉnh lược, chẳng phải không thừa nhận kia cũng là sở lựa chọn, thông lựa chọn cộng tướng mà kinh luận nói. Nếu nói chỉ có lựa chọn thì kinh nói cộng tướng. Luận nói cộng tướng, vì sao ý không lựa chọn? Há luận nói cộng tướng không phải là sở lựa chọn ư? Nếu không phải sở lựa chọn thường, lựa chọn cộng tướng có lỗi không cùng tận, vì thế số không trái, có nghĩa không đủ.

**Số:** Như sở biến kế không có như vậy.

Đây là dẫn tóm lược, nên nói như sở Biến kế rất ráo không có như

vậy.

Giải thích: Tục có vọng tình chấp có này hằng không gọi là Viên thành thật.

**Sớ:** Đây cùng với Thế Thân ở trước khác.

Trước hiển tâm năng sinh, năng biến kế, gọi là biến kế. Đây cùng với Biến kế sở chấp làm y gọi là Biến kế.

**Sớ:** “Lại y tha khởi” đến “gọi là Biến kế sở chấp”.

Đây cùng với giải thích sau của Thế Thân đồng.

**Sớ:** Kia gọi là Biến kế sở chấp.

Kia là Vô Tánh.

Hỏi: Chuẩn theo hai vị Bồ-tát cho rằng y theo y tha giả gọi là Biến kế, mà nói là không khác để giải thích bản luận. Nếu không giả nói hai tánh tương mong nhau mà giải thích thì luận của Vô Trước có không là chẳng?

Đáp: Lý cũng có thể thành. Nhưng bản luận nói do tướng Biến kế sở duyên này.

Giải thích: Do y tha khởi có thể khởi tâm, năng Biến kế thứ sáu mới chấp lìa thức thật có ngã pháp v.v... Nếu không có cảnh y tha này thì năng Biến kế không khởi. Năng Biến kế không khởi thì vì sao có tánh sở chấp Biến kế ư? Do hai tánh này, cho nên không khác, cũng giống như đối với sợi dây mới khởi sự biết là con rắn. Còn lại chuẩn theo đây có thể biết.

**Luận:** Dụ như huyễn sự không có mà dường như có.

Bản luận của Vô Trước nói những thí dụ này, đầy đủ như trong sớ đã nêu. Vô Tánh giải thích luận, nay ở đây sẽ dẫn.

**Luận:** Dụ về huyễn sự, như không có voi mà voi huyễn sở duyên cảnh giới. Tánh y tha khởi cũng như vậy. Tuy có sắc v.v... duyên sáu xứ, khi Biến kế độ tự như có sáu xứ bị duyên hiển hiện.

Giải thích: Ngoài do trần v.v... tám thứ cho là thật có. Trong dùng tám dụ ngược lại kia là hư vọng, lẽ ra có tám lượng.

1. Sắc v.v... sáu trần không phải là thật có, hiển hiện rõ ràng là cảnh kế độ, dụ như voi huyễn. Chân như không có cảnh sở hành của Kế độ hiển hiện. Vì thế là Dị phẩm, vì không phải là Năng Biến kế và sở biến kế, nên không có bất định.

2. Như sóng nắng khi bị gió động, thật không có nước mà có cảm giác như có nước. Ngoại khí thế gian cũng như vậy. Lượng rằng: Ngoại khí thế gian hư dối không có thật có, năng sinh chấp thật có tâm vương và tâm sở, dụ như sóng nắng. Chân như không có dị chấp sinh y, vì thế

không có bất định.

3. Lại như trong mộng ngủ say khởi tâm, tâm sở tự cực thành muội lược. Tuy không có người nữ v.v... các cảnh nghĩa mà có cảnh giới ái phi ái thọ dụng, khi thức cũng vậy. Lượng rằng: Trong mộng không có cảnh ái và phi ái, hư giả không có thật có, vì đây là chỗ thọ của tâm thương ghét, dụ như giấc mộng.

4. Lại như ảnh tượng trong gương v.v... trở lại thấy bản chất mà nói ta nay riêng thấy ảnh tượng. Nhưng ảnh tượng này thật không có, chẳng phải đấng dẫn địa thiện ác tư nghiệp bản chất làm duyên. Ảnh tượng quả sinh cũng như vậy. Lượng rằng: Nghiệp của thiện ác hư giả chẳng phải thật có vì nương nhờ duyên mà hiện, dụ như ảnh tượng.

5. Lại như bóng sáng do bóng chiếu vào ánh sáng kia khởi các thứ hình ảnh. Trong Định đẳng địa các thức đối với nghĩa không có thật sai biệt mà chuyển.

Giải thích: Như trong ánh sáng thân múa động nhiều hình trạng. Bóng kia cũng vậy. Định ý phân biệt khởi các nghiệp chương của thân vô sai biệt. Như thân trong ánh sáng kia nương theo thức khởi, vì thế nói thân kia gọi là chủng chủng thức. Hoặc hai cõi trên định tâm không phải một gọi là chủng chủng thức. Thức này dẫn nương giá, cảnh không có thật chuyển, nói tâm này là hư giả, y theo trước lượng rằng: Định khởi thân nghiệp hư dối không có thật có vì các thứ chuyển, dụ như bóng ánh sáng. Y theo sau lượng rằng: Định địa các thức hư dối chẳng phải thật có, nương vô số thứ khởi, như bóng ánh sáng vậy.

6. Lại như tiếng vang trong hang thật không có tiếng, nhưng người nghe giống như nghe nhiều cảnh giới ngôn ngữ, vô số ngôn ngữ. Ngữ nghiệp cũng vậy. Lượng rằng: Ngữ nghiệp không có thật vì nghe chỗ nghe, cũng như tiếng vang trong hang.

7. Như trăng trong nước, do tánh nước lắng trong, cho nên tuy không có mặt trăng mà mặt trăng có thể lấy. Duyên cảnh sở huân của cảnh thật nghĩa, lắng trong làm tánh, các Tam-ma-địa tương ứng, ý cũng như vậy, tuy không có cảnh giới sở duyên thật nghĩa mà dường như có chuyển. Đây cùng với ảnh tượng có gì sai khác, định bất định địa mà có sai khác.

Giải thích: Cảnh định có thể khiến thiện phẩm tương tục gọi là thật nghĩa. hoặc lựa cảnh Biến kế sở chấp cho đó là thật. Lượng rằng: Định cảnh sở hiện hư dối chẳng phải thật có, nương theo duyên lắng trong mà hiện, cũng như trăng trong nước.

8. Lại như biến hóa nương biến hóa này, gọi là biến hóa, tuy

không có thật nhưng có thể biến hóa, nghĩa là không có điên đảo đối với việc bị biến hóa, riêng làm công dụng. Bồ-tát cũng vậy, tuy không Biến kế sở chấp hữu tình, nhưng đối y tha khởi các loài hữu tình. Do vì thương xót mà đến các chỗ sinh xứ kia nhiếp thọ tự thể.

**Giải thích:** Nghĩa là tức y theo tâm có thể biến hóa này khởi việc biến hóa. Hoặc y chỗ bị biến hóa khởi tâm biến hóa không có cảnh nghiệp sinh gọi là tuy không có thật. Lượng rằng: Bồ-tát thọ sinh hư giả không chân thật, không khởi tâm điên đảo, dụ như biến hóa.

**Hỏi:** Luận Trung Biên có bài tụng rằng: “Với bất động không đảo”, nghĩa là biết nghĩa chẳng có, chẳng không, như huyền v.v... là dụ Biến kế sở chấp. Hai luận đã khác, đều có ý gì?

**Đáp:** Luận Trung Biên căn cứ các thể của huyền sự kia và tâm năng chấp sở chấp, nước v.v... dụ chung hai tánh. Còn Nhiếp luận thì căn cứ sự nhưng đồng y tha, vì thế không trái nhau.

**Luận:** Lưu chuyển Chân như.

Văn của hai luận là luận này và luận Du-già không đồng nhau, như trong số tổng hợp. Có nghĩa Hữu vi có hai: Một là bốn nhân đời đối nhau v.v... là sở vi, hai là phiền não sở vi. Nay nói Hữu vi là y theo nghĩa sau mà nói, cho nên Hữu vi chỉ nói duyên khởi. Thuyết này là thù thắng. Trong văn sau nhiếp vì hai tánh nhiếp. Nhưng Hiền Dượng nói, đối với pháp nhiệm tịnh tư duy các hành lưu chuyển thật tánh. Căn cứ theo thế gian tịnh nên không trái nhau.

**Biện rằng:** Chẳng phải không có lý này. Nhưng sau nhiếp rằng: Tùy tướng nhiếp là lưu chuyển và khổ tập, hai tánh trước nhiếp. Đã nói tùy tướng, rõ ràng không trái lý. Căn cứ theo tăng mà bàn thì Hiền Dượng lại nói đối với pháp nhiệm tịnh. Pháp tịnh không nói y thế gian tịnh. Do đây giáo lý và sở nói không trái nhau. Lại sở sau nói lưu chuyển chỉ đứng về Hữu lậu bàn về luận Du-già kia, rõ ràng là nói lưu chuyển.

**Luận:** Bốn đế an lập Chân như.

**Hỏi:** Bốn đế đều an lập, vì sao chỉ nói về khổ đế?

**Đáp:** Tuy nêu tên chung, nhưng do pháp riêng như sắc v.v... Lại bốn đế, đầu tiên từ tên chung mà gọi, còn ba đế sau từ riêng khác mà lập tên.

**Luận:** “Nghĩa là hoặc có chỗ” đến “không nhiếp năm sự”

Xét luận Du-già quyển 74 ghi:

**Hỏi:** Tự tánh đầu tiên trong năm pháp có bao nhiêu sở nhiếp?

**Đáp:** Đầu không có sở nhiếp.

**Hỏi:** Tự tánh thứ hai có bao nhiêu sở nhiếp?

Đáp: Có bốn sở nhiếp.

Hỏi: Tự tánh thứ ba có bao nhiêu sở nhiếp?

Đáp: Có một sở nhiếp.

**Luận:** “Hoặc lại có chỗ” đến “Viên thành thật”.

Xét bài tụng luận Trung Biên ghi: “Là Biến kế sở chấp, tướng phân biệt y tha, Chân như và chánh trí, Viên thành thật sở nhiếp”.

**Sớ:** Nếu thể tướng nhiếp thành trái nhau.

Nếu theo Nhiếp luận thì danh nghĩa hai thể. Nhiếp thể danh nghĩa năm pháp thì liền thành trái nhau, vì sao? Vì trong năm pháp, nghĩa tức là tướng và phân biệt, còn thể tức là y tha. Nghĩa kia là tánh đầu tiên, do không nhiếp có, nay nói có nhiếp, lẽ nào không trái nhau sao?

**Sớ:** “Luận Trung Biên cho ba tánh cùng với mười Chân như nhiếp nhau”.

Luận kia, phần thứ hai rộng nói nhiếp nhau, nay chỉ nêu tên lược phân biệt về ý của mỗi tên.

1. Căn bản chân thật: Y theo đây lập các Chân như khác, vì thể nương ba tánh lập.
2. Tướng chân thật: Đây đối trong tướng căn bản Chân như không điên đảo.
3. Vô điên đảo chân thật: Có thể đối trị, bốn thứ đảo, vô thường, khổ, không vô ngã.
4. Nhân quả chân thật: Nghĩa là bốn Thánh đế, vì nhiễm tịnh nhân quả có sai khác.
5. Thổ tế chân thật: Nghĩa là thế tục và Thắng nghĩa có hai có sai khác.
6. Cực thành chân thật: Thế gian và đạo lý cả hai cực thành.
7. Tịnh trí sở hành chân thật: Tịnh trí sở hành của hai chương phiền não và sở tri có khác.
8. Nhiếp thọ Chân như: Tức ba tánh và năm sự nhiếp nhau.
9. Sai biệt chân thật: Bảy Chân như và ba tánh nhiếp nhau.
10. Thiệt xảo chân thật: Đối trị mười ngã kiến, do tu uẩn, v.v... mười thứ thiệt xảo.

**Sớ:** “Lấy phân biệt toàn” đến “là sở thuyên”.

Hỏi: Tâm chánh trí v.v... thông năng thuyên và sở thuyên, phân biệt vì sao chỉ là sở thuyên?

Đáp: Pháp Hữu lậu riêng khai danh, tướng và phân biệt. Phân biệt do đó chỉ gọi là sở thuyên. Pháp Vô lậu thì hợp chung, vì thế chánh trí năng thuyên sở thuyên đầy đủ. Có chỗ cho rằng tướng chỉ là sở thuyên,



danh chỉ là năng thuyên, phân biệt thông cả hai năng và sở thuyên, tùy hai sở biến nên có sai khác. Tuy có nhiều giải thích nhưng thuyết nay trội hơn.

**Biện rằng:** Như gọi là năng thuyên, gọi là sở thuyên, lẽ nào chẳng phải là danh ư? Nếu là danh thì vì sao không phải là sở thuyên? Danh nương thức biến vì sao không gọi là tướng? Nếu thừa nhận là tướng, thì tướng tức năng thuyên. Nếu cho rằng thức là năng biến năng thuyên, thì lẽ ra phải tùy theo nhau. Vì thế tùy theo năng biến chỉ gọi là phân biệt, tùy theo sở biến chỉ có hai tướng và danh. Đây nếu đã không như vậy, kia vì sao nói như vậy? Cho nên theo sở là hơn. Nay thêm một giải thích: Tướng và phân biệt chỉ là sở thuyên, danh tổng năng và sở thuyên. Tuy danh do thức biến nhưng cũng là tướng thấu nhiếp. Nhưng căn cứ nghĩa khác chỉ gọi là danh. Nếu không như vậy tức có nghĩa tùy theo nhau như trước nói là sai. Suy nghĩ có thể biết.

**Số:** Cũng gọi hòa hợp.

Xét luận Du-già ghi: Cũng gọi là Biến kế sở chấp, cũng gọi là hòa hợp sở thành, cũng gọi là sở tăng ích tướng, cũng gọi là hư vọng sở chấp, cũng gọi là ngôn ngữ sở hiển, cũng gọi là văn tự Gia hạnh, cũng gọi là chỉ có âm thanh, cũng gọi là vô hữu thể tướng.

**Số:** Vì thế thứ tư nói Biến kế sở chấp, tự tánh chấp.

Tức trong năm sự là chấp thứ tư.

**Số:** Bốn đạo lý.

Xét luận Đối Pháp quyển 11 ghi:

1. Quán đái đạo lý: Các hành sinh phải đợi các duyên.
2. Tác dụng đạo lý: Như nhãn căn v.v... là sở y tác dụng của nhãn thức.

3. Chứng thành đạo lý: Chứng thành nghĩa sở ứng thành, tuyên nói các lượng bất tương vi ngữ.

4. Pháp nhĩ đạo lý: Từ vô thủ đến nay pháp tướng pháp như vậy. Như lửa có thể cháy, nước có thể thấm ướt.

**Số:** “Cũng lấy trí Vô lậu” đến “nếu không như vậy liền giảm”.

Không lấy trí Vô lậu là chân thật. Thể của bốn chân thật không nhiếp Đạo đế, nên nói là giảm. Chân thật thứ tư, chuẩn theo chân thật thứ ba thì biết, nên sở không nêu.

**Luận:** “Hai chướng” đến “hai sự nhiếp”.

Hỏi: Căn cứ theo luận Du-già quyển 36 nói, hai thứ chân thật sau cùng bốn đế lý Chân như làm thể. Trong quyển 73 nói điều lấy chánh trí, ý vì sao không đồng?



Đáp: Có ba giải thích:

1. Giải thích như trong số.

2. Trong truyện Tam tạng giải thích rằng ngay khi chứng hai chướng sở hành cũng chứng trí tuệ. Dụ như khi kiến phần duyên Chân như, tức tự chứng phần cũng duyên kiến phần.

3. Hai trí Không quán có thể có sở hành, cũng gọi sở hành, không nên nói rằng hai chướng tịnh trí thông duyên chân và tục, vì thế trí Vô lậu cũng gọi là sở hành. Nói sau được duyên ấy, lý này không đúng, nhưng sau được thông duyên nhiễm tịnh và y tha, nên nói phần nhiễm cũng là sở hành Chân như của hai trí. Nếu như vậy, tức sở hành của hai trí nhiếp chung năm việc. Đã là hai sự nhiếp, cho nên có thể quán trí, có thể có sở hành gọi là sở hành.

**Biện rằng:** Số và truyện giải thích nghĩa kia hơi thông. Có chỗ nói sở đoạn sợ trái với ý chỉ của luận. Ý chỉ của luận nói gì? Luận nói cảnh sở duyên. Hiển cảnh không đồng có bốn thứ chân thật, vì thế quyển 34 ghi: Phẩm loại của chân thật nghĩa này sai khác, lại có bốn loại, nghĩa tức là cảnh. Nay lấy trí kia có thể có sở hành gọi là có sở hành, không đúng về cảnh, lẽ nào cùng bản luận không thành đây kia? Luận căn cứ một phần cảnh tịnh mà nói, không có nghĩa cảnh đồng dùng nhiễm y tha, liền nêu lời trách.

Nay thêm hai giải thích:

1. Căn bản trí sở hành Chân như, Chân như sở nhiếp, Vô lậu trí khác duyên an lập v.v... tương sở biến.

2. Hai trí sở hành chân thật, chánh trí sở nhiếp, không đồng pháp Hữu lậu hư vọng phân biệt, không có tương nhiếp. Vì thế trong quyển 73 nói Vô lậu, Hữu vi gọi chung là chánh trí.

Hỏi: Thế nào là chứng trí?

Đáp: Quyển 36 ghi: Tất cả cảnh giới sở hành của hàng Nhị thừa Vô lậu trí, hoặc Vô lậu Hậu đắc trí, thế gian trí, đây hoặc gọi là phiền não chướng tịnh trí sở hành chân thật. Lại trong Hiển Dương ghi: Trong này vì sao là chân thật? Đáp: Nghĩa là bốn Thánh đế đã là cảnh Hậu đắc trí cũng gọi chân thật, vì thế sở duyên của Hậu đắc trí là bốn đế chân thật v.v... Các tướng đều gọi là chân thật. Nhưng trong quyển 36, chân thật thứ ba nói đủ có ba trí. Chân thật thứ tư không đủ ba trí, chỉ ảnh hiển mà thôi, nếu không như vậy vì sao ý có đủ và không đủ? Hoặc lấy ý của số truyện và ý nay nói hợp làm một giải thích. Vì thế, Đại luận trước sau cũng không trái nhau, lại nên suy nghĩ.

**Số:** “Luận Trung Biên” đến “y Viên thành thật”.

Trong bốn câu, thứ nhất hiển thật y Biến kế đầu có một; thứ hai hiển y biến kế thứ hai có ba; thứ ba và thứ tư hiển ba thật cùng y Viên thành thật thứ tư.

**Sớ:** Đây là căn cứ thiên phần vị là cấu tịnh.

Do có nhiễm và tịnh, ẩn hiện hai vị. Căn cứ phần thuyết này hiển tợ như khổ kia sắp về sau tâm năng duyên không thường hành. Giả danh thì vô thường, thể thì thật thường.

**Sớ:** Hình tướng vô thường thật không duyên.

Hình tướng vô thường chỉ duyên ba đế Hữu vi làm nghĩa, không duyên diệt đế Vô vi làm cảnh.

**Sớ:** Lại y tất cả vô thường mà nói.

Nói hành vô thường duyên tánh đầu tiên và sau. Đây là hành năng duyên không phải là vô thường trong mười sáu hành. Mười sáu hành này ngoài duyên tâm vô thường. Vì sao vậy? Vì trong mười sáu hành, vô thường chỉ duyên ba đế làm cảnh. Tánh đầu tiên không phải Đế, tánh Vô vi, không phải là vô thường.

**Sớ:** Sáu vô thường.

Bốn là biệt ly vô thường, năm là đặc vô thường. Còn lại như số dẫn.

**Sớ:** Tâm chỉ ở nơi danh.

Không phải sắc, bốn uẩn gọi chung là danh.

**Sớ:** Mười lăm thứ vô thường.

Xét luận kia ghi: Trong sáu thứ vô thường, năm vô thường sau đều gọi là biến dị. Biến dị không đồng có mười lăm loại:

1. Phần vị biến dị: Trẻ nhỏ v.v...
2. Hiển biến dị: Từ sắc đẹp biến thành xấu v.v...
3. Hình biến dị: Đói khát, mỗi mệt v.v...
4. Hưng thịnh biến dị
5. Thân phần biến dị
6. Lạnh nóng biến dị
7. Tha tổn biến dị
8. Mệt mỗi biến dị
9. Oai nghi biến dị
10. Xúc đối biến dị: Do khổ v.v... xúc.
11. Nhiễm ô biến dị
12. Bệnh v.v... biến dị
13. Tử biến dị
14. Xanh bầm v.v... biến dị

15. Tất cả chủng không hiện tận biến dị: Nghĩa là xương cốt tiêu mòn, hư hoại, ly tán, tất cả các thứ đều không thấy.

**Luận:** Một tập khí huân tập.

Sớ có hai giải thích:

1. Do tâm năng chấp chấp nơi ngã pháp huân thành chủng tử, chủng tử tuy có tự thể, nhưng do vì Biến kế sở chấp ngã pháp, tâm năng chấp huân thành trong chủng tử. Chủng tử gọi là tánh đầu tiên, không phải là huân riêng chủng tử sở chấp. Hoặc năng Biến kế giả gọi sở chấp. Chủng tử sở huân từ tâm năng huân giả gọi tánh ban đầu.

2. Tâm năng chấp chấp tập khí kia là sở biến kế. Tập khí huân tập đây kia sở chấp sở y. Từ năng y kia giả gọi sở chấp.

**Luận:** Diệt Đế có ba.

Luận này và luận Trung Biên, các thuyết của An Tuệ và Hộ Pháp không đồng, như Nghĩa Đăng đã dẫn.

**Sớ:** “Nghĩa là duyên y tha” đến “tức là không cảnh”.

Đây nói ba tánh đều đủ lý do của Không cảnh. Biến kế thể Không nên sở không nói. Chỉ hiển Y tha và Viên thành thật là lý do của Không.

**Sớ:** Điều không đối với đây khởi nguyện.

Ba Không trước đều đứng về Biến kế. Đối với đây ba Không đều không nguyện nên gọi là đều chẳng nguyện.

**Sớ:** “Chẳng phải duyên Biến kế” đến “khởi nguyện cầu”.

Biến kế sở chấp Chân như vô thể, vì thế không đối với sở chấp như trên mà khởi nguyện cầu. Nhưng quyển 72 căn cứ thật Chân như không gọi là không nguyện, cũng không trái nhau.

**Sớ:** “Như Không duyên ba tánh này” đến “là cảnh vô tướng”.

Đây là nêu Không cảnh để thành vô tướng. Ba tánh là Không đều đứng về biến kế. Vô tướng cũng vậy. Do thể kia không có, vì sao có tướng của nó?

**Sớ:** Tướng thông ba loại.

Tướng trong năm sự. Nhưng ba thứ giải thoát có năng tri và sở tri. Tướng phần nhiều là sở tri, ít thông năng tri. Sở tri và năng tri đủ ba giải thoát.

**Sớ:** Tướng cũng nhiếp ba thứ cảnh.

Tướng cũng nhiếp sở tri ba thứ giải thoát kia, tức là cảnh.

Hỏi: Ý gì mà nói như vậy?

Đáp: Ý muốn nói Y tha và Viên thành thật cũng là ba giải thoát. Vì thế, trước dẫn văn sau mới thành lập. Kế đến sau sớ nói. Đã như vậy

v.v... nghĩa là chánh thành lập.

**Sớ:** “Đã như vậy” đến “gọi là vô tướng”.

Đây là lập lý. Trong năm sự, tướng thông Hữu lậu và Vô lậu. Lại nói tướng là ba cảnh giải thoát. Vô lậu không khác Y tha và Viên thành. Vì thế, biết Y tha và Viên thành đều gọi là ba cảnh.

Hỏi: Vô lậu Hữu vi vì sao gọi là vô tướng?

Đáp: Luận Hiển Dương quyển 2 ghi: Duyên trí vô tướng, Đạo tác đạo, như, hành, xuất hành, đây cũng là hành vô tướng.

Giải thích: Trí duyên vô tướng cũng gọi là vô tướng. Các giáo pháp khác nói không đồng, rộng như Nghĩa Đăng dẫn hợp giải thích.

**Sớ:** Khi chứng Viên thành thật hoặc khổ không khởi.

Có nghĩa giải thích rằng, khi chứng Viên thành thật không có Dị nhân. Vô sinh nhân nghĩa là ý hiện rõ chứng cảnh vô sinh kia nên gọi là Vô sinh nhân. Khi chứng Viên thành thật hoặc khổ không sinh, lẽ nào nương quán ư? Vì thế, nên nói quán Viên thành thật không có hoặc khổ. Không có hoặc khổ sinh nên gọi là Hoặc khổ Vô sinh nhân.

**Biện rằng:** Khi liễu tri chứng Viên thành thật kia hoặc khổ không khởi gọi là Vô sinh nhân. Không nói rằng đang lúc chứng Viên thành thật riêng khởi nhân này. Hoặc khổ không sinh cũng tức là cảnh. Vì thế số không trái. Có nghĩa đã nói lý cũng thông, tùy lý thù thắng đó.

**Luận:** Hai đặc Thắng nghĩa.

Đây gọi là Niết-bàn. Thế là thắng, quả lập dùng tên thắng, lại có thể thuận ích, lại là nghĩa lợi, vì thế cũng gọi là nghĩa, cũng thắng, cũng nghĩa, là Trì nghiệp thích, do hiển danh được Thắng nghĩa. Những giải thích khác như trong Nghĩa Đăng.

**Sớ:** Ba tánh năm nghiệp.

Xét luận Hiển Dương quyển 6 ghi: Biến kế có năm nghiệp.

1. Năng sinh y tha khởi tự tánh: Do Biến kế sở chấp ngã pháp làm cảnh, tâm năng chấp huân thành chủng tử, lại sinh tự như tướng ngã pháp kia, có chất không chất, kiến tướng đồng khác như lý có thể biết.

2. Tức trong này khởi các ngôn thuyết.

Giải thích: Do nó khởi năng thuyết ngôn này v.v... các thứ ngôn thuyết.

3. Năng sinh chúng sinh chấp.

4. Năng sinh pháp chấp.

5. Có thể nhiếp thọ hai chấp tập khí thô trọng.

Giải thích: Do tướng phần của tâm sở chấp năng chấp huân tự như chủng tử của ngã pháp v.v... Kiến phần lại huân thành chủng tử năng

pháp. Chúng tử do nó khởi gọi là nhiếp tập khí, không phải nó vô thể có thể giữ tập khí gọi là nhiếp.

Y tha có năm nghiệp:

1. Năng sinh các thể tạp nhiễm.
2. Có thể làm sở y cho Biến kế sở chấp và Viên thành tự tánh.
3. Có thể làm sở y cho chúng sinh chấp.
4. Có thể làm sở y cho pháp chấp.
5. Có thể làm sở y cho hai chấp tập khí thô trọng.

Viên thành thật có năm nghiệp, nghĩa là có thể làm sở duyên cho hai thứ năm nghiệp, Biến kế năm nghiệp và y tha năm nghiệp đối trị sinh khởi. Lại nói, tùy nghĩa ba thứ tự tánh giải thích tất cả kinh bất liễu nghĩa. Trong vô lượng kinh, đức Như Lai, Bồ-tát ẩn mật ngôn ngữ, đều tùy ba thứ tự tánh có thể làm tất cả phương tiện Thanh văn, Duyên giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

**Sớ:** Nhiếp Đại Thừa nói.

Xét Nhiếp luận của Vô Tánh và Bản luận nói đức Thế Tôn y theo mật ngữ gì? Trong kinh Phạm Vấn nói đức Như Lai không được sinh tử, không được Niết-bàn.

Giải thích: Theo kinh mà hỏi Đức Phật lìa các cõi có thể không có sinh tử, nhưng hiện chứng viên tịch vì sao không có Niết-bàn? Luận đối trong y tha khởi tự tánh. Y Biến kế sở chấp tự tánh và Viên thành thật tự tánh và sinh tử Niết-bàn không có mật ý sai khác.

Giải thích: Do y tha khởi, Biến kế, Viên thành làm sở y. Phật chứng y tha khởi sinh tử Niết-bàn không có hai riêng được, do y thể là một mà thông hai phần, thật lý mà nói sinh tử và Niết-bàn có khác, không khác, chỉ đứng về không khác nên nói là mật ý.

**Luận:** Vì sao như vậy?

Giải thích: Là vấn hỏi thặng trầm đã khác vì sao lại nói không khác. Luận cho là y tha khởi tự tánh này, do Biến kế sở chấp thành sinh tử. Viên thành thật thành viên tịch v.v... năng thành không lìa thể sở thành nên không sai khác.

Hỏi: Thể của Biến kế không, vì sao do đó mà thành sinh tử?

Đáp: Do Biến kế sở chấp, y tha tương tục sinh tử không dứt, do ngộ Viên thành thật đoạn các phiền não, cho nên chứng Niết-bàn.

Lại nói trong kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma nói Đức Phật thuyết pháp có ba phần: Một là phần tạp nhiễm, hai là phần thanh tịnh, ba là cả hai phần đó. Y mật ý gì mà nói như vậy? Căn cứ trong kinh mà hỏi. Luận đối trong y tha khởi tự tánh. Biến kế sở chấp là phần tạp nhiễm, Viên

thành thật hữu tánh là phần thanh tịnh, tức y tha khởi là hai phần kia. Y mật ý này nói lời như vậy. Dụ như kho vàng trong đất ở thế gian, ba pháp có thể được là địa giới, đất và vàng vàng. Trong địa giới, đất không có thật có mà hiện có thể được. Vàng là thật có mà không thể được, khi dùng lửa đốt luyện thì tướng đất không hiện mà tướng vàng hiện rõ. Thức cũng như vậy, trí vô phân biệt khi lửa chưa đốt, đối trong thức này có hư vọng Biến kế sở chấp tự tánh hiển hiện, Viên thành thật tự tánh không hiển hiện. Thức này nếu là trí vô phân biệt khi lửa này đã đốt, đối trong thức này chân thật Viên thành thật tự tánh hiển hiện, hư vọng Biến kế sở chấp tự tánh không thể hiện, vì thế cho nên thức hư vọng phân biệt y tha khởi tự tánh có hai phần kia, như tất cả địa giới trong kho vàng của đất.

Thích luận ghi: Địa dụ y tha, Đất dụ biến kế, vàng dụ Viên thành. Do quy thức tánh là y tha khởi, Biến kế và Viên thành là phần tánh này.

Lại nói Thế Tôn có chỗ nói tất cả pháp thường, có chỗ nói tất cả pháp vô thường, có chỗ nói tất cả pháp không thường, không vô thường. Y mật ý gì mà nói lời này? Đó là y tha khởi tự tánh, do Viên thành thật là thường, do Biến kế sở chấp tánh là vô thường, do hai phần kia không phải thường, không phải vô thường.

Thích luận ghi: Nghĩa là y tha khởi thể pháp tánh Chân như là thường trụ. Biến kế sở chấp tự tánh một phần thể là vô thường, không có sinh diệt nói là vô thường.

**Sớ:** “Thông đạt ba tánh” đến “vô tướng ư”

Xét quyển 74 ghi:

Hỏi: Nếu cho rằng trí thế gian khi thông suốt, phải nói hành đối với tướng. Như Biến kế sở chấp tự tánh, Y tha và Viên thành cũng như vậy. Lại nếu quán hành nghĩa là khi như thật ngộ nhập Biến kế sở chấp tự tánh, thì phải nói tùy nhập tự tánh gì?

Đáp: Viên thành thật tự tánh.

Hỏi: Nếu quán hành ấy tùy nhập Viên thành thật tự tánh, thì phải nói trừ bỏ tự tánh nào?

Đáp: Y tha khởi tự tánh.

Lại nói, Biến kế sở chấp y chỉ ba sự là tướng, danh và phân biệt. Tánh y tha khởi tức nương Biến kế sở chấp, tự tánh chấp và tự đẳng lưu tánh, Viên thành thật không chỗ an trụ, không chỗ y chỉ.

Giải thích: Tự tánh chấp là tâm năng phân biệt, tức ở đây dẫn tâm và tâm sở Hữu lậu, và tự loại kia triển chuyển huân tập mà sinh. Lại

nói, không có ba tánh thì nhiệm tịnh không thành. Như trong số đã dẫn đầy đủ.

Lại nói, Biến kế sở chấp phải nói rằng vi tế khó thấy khó hiểu. Tánh y tha khởi phải nói là thô nhưng cũng khó thấy rõ. Viên thành thật phải nói là cực vi tế, rất khó thấy, rất khó hiểu.

Giải thích: Tánh biến kế, trí thế gian không giác ngộ gọi là vi tế. Tánh y tha như tâm và tâm sở thường hiện tiền nên gọi là thô. Tánh Viên thành thật, tất cả dị sinh đều không rõ nên gọi là rất vi tế. Bậc Thánh Nhị thừa, dù như chưa rõ nên gọi rất vi tế. Kiến là trước thấy, liễu tức sau hiểu.

Lại nói, một là vô thể năng chuyển hữu thể, hai là hữu thể chuyển thể của hữu vô, ba là hữu thể nhưng không thể chuyển.

Giải thích: Thể của Tánh Biến kế không. Là cảnh có thể khởi y tha chấp tâm gọi là chuyển hữu thể. Chuyển dụ như khởi, do tánh y tha có thể khởi y tha gọi là hữu chuyển hữu. Đây là sở chấp y gọi là chuyển đối với vô.

Hỏi: Vô pháp thể không có, vì sao được gọi là chuyển?

Đáp: Đối với vọng tình kia, cho nên gọi là chuyển.

Lại nói, một là bất sinh năng sinh đối với sinh, hai là sinh năng sinh sinh và bất sinh, ba là phi sinh không thể sinh sinh và bất sinh.

Giải thích: Biến kế không có thể nên gọi là bất sinh, làm cảnh năng sinh tâm năng chấp v.v... gọi là năng sinh. Y tha có thể duyên khởi gọi là sinh. Năng sinh y tha, gọi là sinh sinh. Tâm năng sinh chấp tâm không sinh kia gọi là sinh bất sinh.

Lại nói, Biến kế sở chấp tự tánh chấp hay không chấp, vì sao biết được? Đáp: Đây có hai trường hợp.

1. Giác ngộ chấp hoặc không chấp, như do ngôn thuyết giả lập danh tự. Biến kế các pháp quyết định tự tánh gọi là giác ngộ chấp. Nếu khéo rõ biết chỉ có danh nghĩa là biết chỉ có danh, không phải các pháp kia có tánh quyết định gọi là không chấp.

Giải thích: Hai chấp ngã và pháp hiện hành gọi là giác ngộ chấp. Các tâm Vô lậu, thiện, vô phú, Vô ký v.v... gọi là không chấp. Trong tâm không chấp đối với các danh có bất liễu và liễu, suy nghĩ có thể biết.

2. Tùy miên chấp gọi là không chấp. Nếu chưa trừ được tập khí tùy miên kia thì có chấp tùy miên. Nếu đoạn trừ rồi thì biết đây là không chấp.

Giải thích: Chủng gọi là tùy miên. Chưa đoạn và đã đoạn rồi gọi



là chấp và không chấp. Luận nói Y tha khởi tự tánh chấp và không chấp vì sao biết được? Đáp: Như vì Biến kế sở chấp tự tánh giác ngộ chấp, lại Biến kế sở thành tự tánh gọi là chấp đầu tiên. Nếu khéo rõ biết chỉ có các tướng, không có Biến kế sở thành tự tánh gọi là không chấp.

Giải thích: Đây là giác ngộ chấp và không chấp hai thứ, sở thành tự tánh tức y tha khởi. Do hai chấp kia vọng chấp y tha cho là ngã và pháp, do Biến kế nhiễm sinh gọi là sở thành.

**Luận:** Đối với tướng ràng buộc vĩnh viễn chưa trừ.

Trong các tướng khi có sở đắc gọi là chấp lấy hai. Như đối với tướng ràng buộc đã hằng trừ, nghĩa là đối với cảnh giới vô tướng đã liễu tri. Đối với tướng vô đắc phải biết đây là không chấp.

Giải thích: Đây là hai chấp. Tùy miên chấp và không chấp, chủng tử ràng buộc nhau gọi là tướng ràng buộc.

**Luận:** Viên thành thật, tánh này không có chấp.

Vì cõi này không phải là cõi an tức. Nếu ở cõi này chưa được xúc thể khởi được xúc thể tăng thượng mạn tức trên chấp Biến kế sở chấp và y tha khởi tự tánh.

Lại nói, Biến kế tự tánh vì sao biết? Đáp: Ngay khi rõ biết chỉ có danh, chỉ có Biến kế sở chấp không tướng không tánh, không sinh, không diệt hẳn đến như hư không. Y tha khởi tánh ngay khi rõ biết sở thuyên Hữu vi sự nhiếp. Viên thành thật tánh ngay khi rõ biết như tướng sai biệt đã nói ở trước, đó là pháp giới Chân như thật tế, các loại như vậy.

Lại nói, một là tự mình không nhiễm có thể khiến nó nhiễm, hai là chỉ tự nhiễm, ba là tự thanh tịnh khiến nó thanh tịnh. Khổ v.v... cũng như vậy.

Giải thích: Thể của tánh Biến kế không có, không gọi là nhiễm. Khiến hai chấp khởi gọi là nhiễm khác. Đứng về nhiễm y tha gọi là tự nhiễm. Do đối với tánh đầu tiên không căn cứ tự loại mà nhiễm nhau nên gọi là chỉ tự nhiễm. Hoặc pháp sở nhiễm tánh đồng không khác, gọi là chỉ tự nhiễm.

Lại nói, Biến kế sở chấp thí như hư không. Y tha khởi tánh như hại như oán. Viên thành thật tánh thí như kho báu lớn vô tận.

Giải thích: Nương y tha nhiễm nói là như oán v.v... Chân như là sở y của các công đức kia nên gọi là kho báu lớn.

Lại nói, Biến kế sở chấp do đâu mà Biến kế? Là do y tha tự tánh. Tánh y tha khởi do đâu mà y tha? Là do nhân duyên. Tánh Viên thành thật do đâu duyên thành? Là do không bị tất cả phiền não vì các khổ tạp



nhiễm, lại do tánh thường.

**Luận:** Gọi là pháp giới.

Xét luận Đối Pháp có bảy tên gọi:

1. Chân như: Do tự tánh kia không biến đổi. Thích luận ghi: Trong tất cả thời thật tánh vô ngã, không biến chuyển nên gọi là không biến đổi. Không cải chuyển là nói không biến đổi, tức là nghĩa Như này.

2. Tánh vô ngã: Vì lia hai ngã.

3. Tánh không: Vì không thực hành tất cả tạp nhiễm. Thích luận ghi: Do duyên này nên có thể khiến tất cả việc tạp nhiễm đều vắng lặng.

Giải thích: Do trí vô phân biệt chứng Chân như kia khiến phiền não kia đều vắng lặng. Nhưng nói không thực hành nhiễm pháp nghĩa là không bị nhiễm pháp sở duyên chấp trước gọi là không thực hành.

4. Vô tướng: Như số đã dẫn.

5. Thật tế: Không có sở duyên điên đảo. Thích luận ghi: Thật nghĩa là không điên đảo, chỗ này rốt ráo nên gọi là tế. Quả vô ngại tánh lại không có sở cầu.

Giải thích: Do trong sở duyên được rốt ráo nên gọi là tế. Tế là cùng tột. Tổ ngộ nó rồi lại không có pháp nào hơn nó để duyên cầu nên gọi thật tế. còn lại như trong số dẫn.

**Luận:** “Phải đầy đủ Đại thừa” đến “ngộ nhập Duy thức”.

Hỏi: Bản tánh không có tạp, tánh tập chẳng phải bản vì sao đủ hai mới tỏ ngộ Duy thức?

Đáp: Có nghĩa y đời trước và sau nói đủ hai thứ, không phải đồng thời có đủ. Lại tánh tập lập không phải là không có bản tánh, tức một chủng tử được hai tên, vì bản chủng và huân tập có sai khác. Nếu y đây giải thích thì khi chưa phát tâm trở về trước gọi là Bản tánh trụ, khi đã phát tâm rồi cho đến khi thành Đăng giác thì được hai tên. Giải thích này đều thù thắng.

**Biện rằng:** Giải thích trước thích hơi thông, lý vẫn chưa hiển, giải thích sau giáo lý đều không khế hợp. Một là vị tạp loạn, hai là kinh Nhân Vương, Anh Lạc, luận Du-già, Nhiếp luận đều nói cả hai vô số tánh ở trước Kiến đạo, phán phân chung đều được, lẽ nào không trái giáo? Lại luận này ghi: Bản nhân vô tử gọi là Bản tánh trụ. Nghe huân tập rồi sắp về sau mới gọi tánh tập tuy một chủng tử mà chưa từng tăng khác. Tăng vị không thể được lại tên của bản. Giải thích sau vặn hỏi về y, nay xem ý của luận ấy có hai tánh sau mới có thể ngộ. Nói “đủ” giống như nói “có”, chứ không phải đồng thời gọi là đủ.

**Sớ:** Dụng và dụng đủ.

Tư và tu hai tuệ này là năng nhập đủ. Đủ này có thể hiện tợ pháp, tợ nghĩa, và có thể nhập công năng nghĩa của pháp sở tri, vì thế gọi là dụng. Đủ này và dụng ắt đợi năng chấp. Nói đủ kia giả, nghĩa là đủ mới có dụng. Do đây trước nói tư và tu đủ có rồi, nên nay hỏi tác giả năng chấp.

**Sớ:** Hai vị đầu này dùng đạo làm vị tức thể phần xuất.

Do trong năm đạo, hai đạo đầu nêu tên hai vị, đầy đủ Hữu lậu đạo. Trong Hữu lậu đạo tán và định thể khác nhau, phân làm hai. Phân là biệt vậy.

**Sớ:** Ba vi sau dùng phần làm vị.

Không dùng năm đạo mà bày tên vị, chỉ dùng tu v.v... ít phần nhiều phần, toàn phần không đồng, phân làm ba vị, thể bày đủ Vô lậu và Vô vi nhiếp, nên gọi là thông thể.

**Sớ:** Đối với hiện hành kia.

Nói các pháp thiện trước thừa nhận trong thân Bồ-tát được hiện hành.

**Sớ:** Cũng có hiển hiện do tánh nhân hiền.

Hiển rõ hiện hành trước chỉ so nhân hiền mà khởi, hoặc yếu hoặc mạnh riêng biệt mà phân hiện hành và hiển hiện cả hai.

**Sớ:** Tánh không thể khởi phiến nào.

Hỏi: Kinh Lăng-già ghi: Đốt cháy tất cả căn lành, Xiển-đề thừa nhận thành Phật. Trong kinh Niết-bàn nghĩa kia cũng vậy, lẽ nào sau khi thành Phật trước không có chủng tánh? Chủng tánh đã có vì sao nói đoạn căn lành? Kinh và luận vì sao trái nhau?

Đáp: Luận căn cứ nhiều phần, còn kinh thì y lý cũng tận. Điều này nên tư duy.

**Sớ:** Chưa được, chưa tịnh.

Chưa phát tâm cầu, chưa đến vị kia gọi là chưa phát khởi và chưa được. Lại chưa vì các địa sau tu các chánh hành gọi là chưa thanh tịnh.

**Sớ:** Việc làm lâu xa và nói lâu xa nên có chỗ quên mất.

Nghĩa là việc làm và nói pháp nói kinh thời gian lâu xa nên quên không nhớ.

**Sớ:** Tại gia, xuất gia hai bậc Bồ-tát.

Trong hai bậc Bồ-tát hành này không thể đều tu đầy đủ hạnh kia gọi là không hiển hiện.

**Sớ:** “Ở đây nói” đến dần dần khinh vi”.

Ở trước đã nói tướng mạo của lỗi, đến khi hạ nhãn có lỗi thượng

phẩm, khi trung thượng nhãn có lỗi trung hạ phẩm.

Hỏi: Ba nhãn vị thế nào?

Đáp: Có hai vị: một là như thứ lớp trong ba mươi tâm, hai là trong luận đã nói về nhãn. Trong bốn thiện căn nhãn có ba phẩm. Ngôi vị của ba nhãn thì lỗi cũng thành ba phẩm. Nhưng ba mươi tâm đồng hạ nhãn, Thế đệ nhất nhanh chóng nên không luận, hoặc đồng thượng nhãn.

**Sớ:** Có năm Bồ-đặc-già-la.

Vô Tánh giải thích: Nên biết chỉ có một Bồ-đặc-già-la, vị sai khác nên kiến lập năm loại, như Dự lưu v.v..., vẫn còn lại như trong số giải thích.

Nhưng có chỗ giải thích rằng: Từ sơ phương tiện đến sơ Địa là thứ nhất. Từ Địa thứ hai đến địa thứ tư là thứ hai. Từ địa thứ năm đến địa thứ sáu là thứ ba. Địa thứ bảy là thứ tư. Địa thứ tám đến địa thứ mười là thứ năm. Sơ Địa tức thuộc về sơ kiếp.

**Biện rằng:** Luận đã nói rõ, nghĩa là thắng giải hành Bồ-đặc-già-la trải qua đại kiếp đầu tiên. Sơ địa lẽ nào là Giải hạnh địa? Lại kiếp thứ hai phân làm ba, nhân lại không có lý do. Nay giải thích riêng rằng: Hai kiếp trước sau là người trước và sau. Bắt đầu từ sơ Địa đến địa thứ bảy là kiếp thứ hai phân làm ba người. Ba Địa đầu đồng với người đời tu. Địa thứ tư, năm, sáu đồng Nhị thừa kia. Địa thứ bảy y Đại thừa. Ba loại không đồng phân làm ba người, vì thế hợp thành năm. Địa thứ tám trở lên đều thuần vô tướng, vì thế hợp làm một. Nói Dự lưu là nêu thí dụ để nói rõ. Xét Nhiếp luận đời Lương ghi: Như ba quả và ba vị trước cũng được thành lập năm nhân. Từ sơ hương đến Tu-đà-hoàn là thứ nhất, tại gia xuất gia là thứ hai, Tư-đà-hàm là thứ ba, một chủng tử là thứ tư, A-na-hàm là thứ năm.

Hỏi: Trong thí dụ đã dùng phương tiện sơ quả hợp thành một, trong pháp vì sao không nói Sơ địa phương tiện hợp thành một?

Đáp: Trong thí dụ là y theo phần ít, chẳng phải tất cả đồng, vì thế không nên trách, tức quả thứ hai trước sau, đều tự cho là ba loại. Trong kiếp thứ hai, ba vị không đồng, ít giống với kia.

Hỏi: Nếu kiếp thứ hai khai làm ba, vì sao Vô Tánh nói như vậy hai thứ Bồ-đặc-già-la trải qua hai kiếp tu hành viên mãn?

Đáp: Trong kiếp thứ hai, sáu vị trước là hữu tướng, vị thứ bảy là vô tướng. Vả lại hữu tướng và vô tướng đối nhau gọi là hai. Trong phần hữu tướng lược không nói, chỉ nêu bày sơ lược mà thôi.

**Sớ:** Ở trong mộng nghĩa là nhiều năm.

Xét Nhiếp luận của Vô Tánh có bài tụng rằng: “Ở mộng là nhiều

năm, thức dậy trong khoảnh khắc, thời gian tuy vô lượng, nhiếp trong một sát-na”.

Lại trong Tây vức truyện chép: Có ẩn sĩ, kết am giấu mình, rộng học kỹ nghệ, cùng tốt thần lý, có thể khiến cho ngói đá thành vật báu, người và súc vật khác hình, nhưng chưa có thể cỡi mây gió đi theo xa giá của tiên nhân, bèn xem đồ thư, tìm sách cổ để cầu thuật của tiên. Trong phương thuật ấy nói thần tiên tức là thuật trường sinh, trước khi muốn cầu học, phải định được trí. Ông kiến lập đàn tràng, bảo một liệt sĩ cầm dao dài đứng ở một góc đàn, nín thở im lặng. Người cầu tiên ngồi trong đàn tràng, tay đề kiếm dài, miệng tụng chú, thân cái nhìn, quay cái nghe để thông đạt lên tiên. Người này đã được tiên phương, bèn hỏi thăm tìm liệt sĩ. Ông tìm khắp nhiều năm vẫn chưa thỏa tâm nguyện, sau được liệt sĩ. Người liệt sĩ này trước đây từng giúp sức cho người, trải qua năm năm, sai trái một ngày liền bị đánh mắng, lại bản thân chẳng được gì nên lang thang buồn khóc. Ẩn sĩ thấy thế chu cấp trọng hậu, hạ mình kính phục. Liệt sĩ nhiều lần xin mệnh lệnh để đáp đền ân tri ngộ, ẩn sĩ nói:

- Ta tìm Liệt sĩ trải qua nhiều năm, may mắn được gặp một người dung mạo khác thường, ứng với đồ thư, ngoài ông ra thì chẳng còn ai khác nữa! Ta chỉ xin ông đừng lên tiếng trong một đêm mà thôi!

Liệt sĩ đáp:

- Tôi chết còn không từ chối, huống gì chỉ là nín thở im lặng!

Lúc bấy giờ, ẩn sĩ lập đàn tràng lãnh thọ pháp tiên. Y phương pháp mà hành sự, ngồi đợi đêm xuống. Sau khi ánh mặt trời lặn, ai nấy lo việc của mình. Ẩn sĩ tụng thần chú, liệt sĩ cầm dao nhọn. Trời sắp sáng, liệt sĩ bỗng phát một tiếng kêu lớn, lúc bấy giờ lửa trên hư không rơi xuống, khói mây mù mịt. Ẩn sĩ vội dẫn người này xuống ao tránh nạn, rồi hỏi:

- Ta dặn ông không được phát ra tiếng vì sao lại có tiếng kêu kinh hoàng đó?

Liệt sĩ đáp:

- Sau khi vâng lời dặn của ông, đến khoảng nửa đêm thì tôi mơ hồ như trong mộng, biến sự lại nổi lên. Thấy khi xưa, ông chủ đích thân đến an ủi cảm tạ, tôi cảm kích ân sâu dày kia, nhưng vẫn nhẫn chịu không mở lời báo đáp. Người kia nổi giận nên tôi liền bị giết. Lại thấy mình thọ thân trung ấm, nên tự thương tiếc, nhưng vẫn nguyện trải qua nhiều đời không nói, do vì báo đáp ân đức sâu dày. Tôi lại thấy mình thác sinh vào nhà đại Bà-la-môn ở Nam Ấn, nhẫn đến thọ thai, xuất

thai, tu hành trải qua khổ ách, mang ân mang đức, nhẫn chịu không nói. Đến khi đi học, lớn lên cưới vợ, song thân đều mất, vì thường nhớ ân trước, nên tôi nhẫn chịu vẫn không nói năng. Tông thân quyến thuộc đều lấy làm lạ. Năm sáu mươi tuổi tôi mới có được đứa con trai, vợ tôi hỏi: “Ông có thể nói chăng? Nếu không nói thì tôi sẽ giết con của ông”. Lúc đó tôi nghĩ, mình sắp lìa đời, lại tuổi già nua mà chỉ có một đứa con trai, do vì muốn cấm người vợ không được giết hại con, nên tôi mới la lớn như vậy.

**Ẩn sĩ** nói:

- Đây là lỗi của ta. Đây là do ma nhiều loạn mà thôi!

Liệt sĩ cảm ân kia, buồn cho việc không thành, ôm hận mà chết.

**Sớ:** Chỗ làm nhỏ hẹp.

Chí ưa thích không rộng, việc làm không lớn, lại không phải một hành có thể tu tất cả, gọi là nhỏ hẹp. Dù tu gián đoạn gọi là có thiếu. Các hành sở tu có thể bền vững, ý chí có lúc khởi, có lúc không khởi. Hoặc tùy lục độ mà tu, đối với đây kia không khuôn phép, gọi chung là bất định. Tùy chỗ tu thiện, hoặc lúc thối xả gọi là sở đắc thối.

**Luận:** Tư lương vị.

Trong vị có pháp tư lương này nên gọi là tư lương vị, tức Hữu tài thích.

**Luận:** Cũng gọi luận giải thoát phần.

Sớ có hai giải thích: Có nghĩa gạn hỏi giải thích thứ hai kia rằng: Lý này không đúng, lẽ nào cho là hữu tình cầu thắng giải? Cho nên giải thích trước là chính.

**Biện rằng:** Sớ tuy không xác quyết, nay dùng lý chuẩn theo giải thích trước là chính, giải thích sau cũng không trái. Các giáo đều nói Vô lậu thắng giải gọi là giải thoát. Tự mình chưa giải thoát thì đâu thể giải thoát cho người, nghĩa là vì hữu tình cầu có lỗi gì?

**Sớ:** Thứ bảy quán nghiệp, Thứ tám quán quả.

Xét phẩm Thập Trụ trong quyển 8 ghi: Bồ-tát này từ trong chánh giáo tất cả Thánh pháp sinh tu mười pháp. Đó là:

1. Tin Phật không hoại
2. Cứu cánh đối với pháp
3. Tịch nhiên định ý
4. Phân biệt chúng sinh
5. Phân biệt cõi Phật
6. Phân biệt thế giới
7. Phân biệt các nghiệp

8. Phân biệt quả báo
9. Phân biệt sinh tử
10. Phân biệt Niết-bàn.

**Luận:** “Cho nên đối với hai thủ” đến “hai thủ hiện hành”.

Kinh và luận trái nhau, sơ có bốn giải thích:

1. Sơ ghi: “Nó y phục nhân” đến “câu sinh phiền não”
2. Lại nói, công lực nói Phật pháp v.v
3. Do tự phân biệt v.v... trở xuống
4. Lại chỉ nói chung v.v... trở xuống

Xác quyết như trong Nghĩa Đăng đã biện rõ.

**Luận:** Sở tri chương này không cùng Dị thực thức đồng thời.

Ba nhân trong này đồng với luận Phật Địa. Luận kia ghi: Tất cả Dị thực thức tâm phẩm Vô ký vì sức phân biệt kém không thể chấp. Như có chấp điên đảo thành chấp ngã chấp pháp, chấp kiến có vô minh v.v... không chỉ cùng năm pháp tương ứng, vì có kiến. Lại pháp Không quán khi mới hiện tiền, thức này lẽ ra đoạn, chương trị trái nhau và không câu hành.

Giải thích: Phật Địa ban đầu do thông tất cả tâm Dị thực, không phải chỉ có Thức thứ tám, hoặc đây cũng tổng nói Dị thực khác.

**Sớ:** “Lại sau Dị thực tâm” đến “không thể làm thí dụ”.

Đây lập lời ngăn. Giả sử họ ví dụ rằng: Nếu các thức như nhãn v.v... là tâm Dị thực, không có pháp chấp, pháp không trí đầy đủ. Trong bốn Vô ký, Dị thực vô ký, tất cả lẽ ra cùng pháp không trí đồng thời, đều không có pháp chấp như Thức thứ tám v.v... vì thế nay ý Dị thực gọi đồng. Chấp và không chấp khác nhau, không thể làm thí dụ.

**Sớ:** “Thức thứ bảy” đến “mười ba pháp”

Chỉ nói chương, cho nên chỉ có mười ba.

**Luận:** Phiền não chương là sở y.

Xét trong kinh Thắng Man nói sở tri chương là sở y của phiền não. Lại có pháp dụ là hợp thành ba đoạn. Như trong sơ đã dẫn. Ý chỉ sâu ẩn nên vận hỏi để lược giải thích.

Kinh: Đối với đây khởi phiền não v.v...

Giải thích: Đối với vô minh địa này phiền não sở khởi hiện hành trong khoảng sát-na, ắt cùng với vô minh từng sát-na sát-na tương ứng mà khởi.

Kinh: Thế Tôn nói tâm bất tương ứng, vô minh vô thủ trụ địa.

Giải thích: Vô minh địa chúng gọi là bất tương ứng, ý nói vô minh đồng với phiền não thông chúng hiện. Hoặc nói tương ứng là nghĩa

chung cùng. Bốn trụ phiền não ba Thừa đều đoạn gọi là tương ứng, vô minh trụ địa riêng chỉ có Đức Phật trừ được gọi là bất tương ứng.

Kinh ghi: Trái qua hằng sa.

Giải thích: Hiểu rõ y theo vô minh phiền não không cùng cực gọi là trái qua hằng sa. Văn khác dễ hiểu.

**Luận:** Thể tuy không khác mà dụng có khác.

Dụng khác có hai: một là hiện hành dụng khác, hai là chủng tử dụng khác, vì có chướng dụng Bồ-đề, Niết-bàn. Giải thích trước là chính, giải thích sau lý cũng thông.

**Luận:** Vì thế hai Tùy miên đoạn có trước sau.

Hỏi: Đoạn đã có trước sau, vì sao gọi thể là một? Tam thừa đoạn hoặc, thì sở tri lẽ ra đoạn do vì thể có một. Lại trong Thập Địa nói đoạn là sở tri chướng và phiền não chướng đoạn, vì một là do thể đồng, hai là Khế kinh nói khi như đất bị hư hoại thì hạt giống cũng theo đó mà hoại?

Đáp: Có nghĩa nói chủng thể tuy có một, nhưng có thô và tế, vì cùng hòa hợp. Như vàng sắt đồng trong một vật, nhưng tinh thô khác nhau. Bậc Thánh sinh không, đạo lực không bằng Bồ-tát phương tiện, vì thế còn lại không đoạn hết. Kinh y theo kiến đạo, cứu cánh đạo mà nói cho nên không trái nhau.

**Biện rằng:** Đã do thô và tế hòa hợp mà thành thì chủng thể lẽ ra là giả, như bình, y phục v.v... giả chẳng phải nhân duyên vì sao được sinh hiện? Vì thế nay giải thích rằng: Dụng đã có sai khác, đoạn sở y thể một phần dụng kia vì công sức Thánh đạo có phần hạn, vì thế luận Phật Địa ghi: Trong phiền não chướng có sở tri chướng, vì đây là sở y. Nhất định chấp có pháp thì có chấp ngã, thể tuy không khác mà dụng có khác. Như một thể của thức lấy cảnh nhiều dụng. Đây là huân chủng tử, thể cũng nhiều dụng, khi khởi tuy chung nhưng thứ lớp đoạn, vì thế lực của Thánh đạo có phần hạn. Còn lại nghĩa đồng như trước.

**Luận:** “Như sở tri chướng” đến “vô minh trụ địa”.

Đây là dùng kinh để vặn hỏi. Kinh như sơ đã dẫn, đây vặn hỏi để lược giải thích. Nói trụ và khởi hai phiền não, trụ nghĩa là chủng tử, khởi là hiện hành. Hoặc sở y sinh xứ gọi là trụ địa. Khởi là hiện hoặc, vì đang sinh khởi. Kiến hoặc trong ba cõi nhưng do kiến thù thắng, vì kiến đạo đoạn, hợp nói là kiến một xứ. Ba cõi đều sinh hoặc tu đạo, nhuận sinh ái thù thắng, riêng phân ba loại, không chỉ ba cõi đều sinh ái. Nói Vô minh trụ địa, các sở tri chướng đều có thể chướng trí, vô minh riêng tăng, gọi chung là vô minh. Nói trên tất cả phiền não, Hoặc của bốn trụ địa trước



hiện chủng đều nương trên vô minh địa nên gọi là trên phiền não.

**Sớ:** Gọi chung là vô minh vì không có phẩm số.

Có nghĩa giải thích, nghĩa này không đúng. Thể đồng phiền não, tức như phiền não vì phẩm số riêng, chỉ nên nói là vì hành vi tế. Không nhiệm nghĩa đồng, hợp làm một trụ.

**Biện rằng:** Không đồng phiền não, địa địa chín phẩm phân làm thô tế để đoạn trước và sau. Nói không có phẩm số, không nói là không có ái, khuể v.v... các thứ gọi là không có phẩm, vì thế số không trái. Hoặc nói bất nhiệm nghĩa đồng hợp làm một, lẽ nào trong kinh kia chỉ đối với hàng Nhị thừa biện về năm trụ địa? Nếu gồm hàng Bồ-tát vì sao có nhiệm? Đối hàng Bồ-tát là lẽ ra nhiệm phần, như phiền não chướng đã không riêng khai, vì thế biết không đứng về bất nhiệm mà hợp.

**Luận:** “Hằng đoạn hai chướng” đến “thông Hữu lậu đạo”.

Có nghĩa gạn hỏi số giải thích: Nếu như vậy thì khi hàng Nhị thừa phục phiền não đồng thể, sở tri chướng lẽ ra đều không khởi. Lại đoạn phiền não chướng thì sở tri chướng lẽ ra cũng đoạn, chủng tử của sở tri chướng không chướng ngại trí kia, vì đạo lực kém nên hàng Nhị thừa không đoạn. Hiện hành cũng như vậy, không phải phục được. Nay nói phục cả hai là y theo hàng Bồ-tát nói, khi dùng pháp Không quán phục phiền não, đồng thể sở tri chướng cũng liền có thể phục. Như khi dùng Sinh không quán phục phiền não, cũng không thể phục, vì chẳng phải trị đạo, do đạo lý này hướng đến sở tri chướng. Sinh không Vô lậu không bằng Pháp không Hữu lậu đạo.

**Biện rằng:** Số không nói hàng Nhị thừa phục hoặc, cũng không nói sinh không trí, vì sao được nói hàng Nhị thừa không đoạn thể của sở tri chướng mà vặn hỏi? Lmf sao biết số chủ không y theo Pháp không trí phục hoặc mà nói? Nay y hàng Bồ-tát mà nói ư? Số lý thật thông, không thể hạn cuộc nơi tình, tự lấy mình để phá người.

**Sớ:** Hằng đoạn tập khí.

Xét luận kia ghi: Hằng đoạn tập khí, chẳng phải căn sở nhiếp, nhưng sáu căn này sở chứng phiền não hằng đoạn sở nhiếp.

Giải thích: Hằng đoạn tập khí trạch diệt Vô vi. Do đoạn được tập khí cho nên được tên tập khí. Tín v.v... năm căn và Cụ tri căn sáu sở chứng.

**Sớ:** Sáu thứ thiện xảo.

Ba khoa, duyên khởi, và xứ phi xứ, bốn Đế là sáu.

**Sớ:** Nghĩa là trí có sáu loại.

Văn này lược, nói đủ phải là phước và trí có sáu, tức lục độ nói ở



trước. Phước và trí hợp nói là sáu. Vì thế quyển 36 tổng kết trước nói rằng, phước và trí như vậy lược có sáu loại. Mỗi mỗi phân biệt lẽ ra có vô lượng.

**Luận:** Ba sự mài dũa.

Ba thứ đại ý như sơ đã nói. Chuẩn theo Nhiếp Đại Thừa lại trừ bốn chương duyên nơi pháp nghĩa, vì thế Vô Tánh luận quyển 6 nói, trừ bốn chương ấy.

Một là do lia tác ý của Thanh văn, Độc giác, vì đoạn tác ý,

Giải thích: Do nghĩa là nhân vì. Do lia chương tác ý, năng nhập tướng sở tri. Ba chương còn lại chuẩn theo đây. Hiển lý do lia tác ý chương gọi là đoạn tác ý. Đoạn nghĩa là phục đoạn, chương khác cũng đồng. Hiển hàng sơ Bồ-tát thấy sinh tử là khổ, Niết-bàn là vui, muốn bỏ sinh tử ưa đến Niết-bàn, gọi là tác ý của Nhị thừa, chương đại Bồ-đề, vì thế cần phải đoạn trước. Do quán sinh tử và Niết-bàn đều không có tánh tướng và tu đại bi, đoạn chấp tác ý sinh tử Tiểu thừa. Tác ý tức là chương. Hoặc hai hàng Vô học chấp thừa của mình là cùng tột mà không chịu hưởng đến Đại thừa. Hoặc hai hàng Hữu học chấp hưởng đến hai quả, không ưa Đại thừa. Hoặc trước kiến đạo, Nhị thừa phạm phu ưa cầu hai quả. Đây đều gọi là tác ý của Nhị thừa.

**Biện rằng:** Bốn trường hợp lý đều thông. Hai giải thích trước là chính.

Hai là luận ghi: Do đối hàng Đại thừa, các nghi đã được lia, do có thể hằng đoạn nghi dị tuệ.

Giải thích: Tuy lia ý Nhị thừa, nhưng đối với các pháp môn của Đại thừa trước khởi nghi hoặc, sau chấp là một, liền sai bác bỏ các lỗi khác, năng phát tà tuệ và chánh tuệ sai khác, cho nên gọi là Dị tuệ. Thể tức pháp chấp, thuộc về tà kiến. Vì thế Thế Thân nói: Trong đây Dị tuệ gọi là tuệ thô xấu, đối với lý lay động khởi ba tánh quán. Dị tuệ và nghi hằng không chuyển lại, gọi là đoạn nghi tuệ. Nghi tuệ tức là chương.

Hỏi: Đoạn nghi là nói từ pháp nào?

Đáp: Có bốn giải thích.

1. Có thể đoạn nghi kia gọi là lia nghi.  
2. Các nghi tức hàng Nhị thừa, lia nghi tức tiệm đốn Bồ-tát.  
3. Bất định: Các tiểu Bồ-tát tuy trước đã phát tâm, nhưng đối với Đại thừa khởi tưởng cao xa, thường thường thoái lui, bèn khởi tâm nghi. Được không được gọi là các nghi, muốn thành tựu Nhị thừa, tâm sinh quyết định, gọi là lia nghi.

4. Các Tiểu Bồ-tát trước đối với Phật ba tạng hiển mật v.v... vô số

không đồng mà Phật nói sinh tâm nghi hoặc gọi là các nghi. Sau chấp làm một là chê trách kia là sai, tự quyết định gọi là lia nghi. Căn cứ thật chưa ngộ y theo vọng giải thích, gọi là lia nghi.

**Biện rằng:** Giải thích ban đầu là chánh, vì thế bản luận: ghi Vì sao có thể nhập tướng sở ứng tri? Họ đáp chung rằng: Do đoạn bốn thứ chương v.v... nên có thể nhập. Trong phần giải thích riêng ở sau, bốn thứ đều nói hai thứ năng trị và sở trị. Nếu lia nghi mà nói không gọi là năng trị, loại thứ hai làm sao được làm năng trị? Nếu nói không nói, vì sao chỗ khác thì có còn riêng ở đây thì không? Vì thế lia nghi mà nói là hiển rõ có thể lia. Nếu như vậy vì sao giải thích thứ nhất, thứ ba trước nói lia? Giải thích thứ hai có thể lia rồi sau mới nói ư? Đáp: A-tỳ-đạt-ma tánh tướng mà cầu tìm liền thấy rõ, vì sao trách trước sau! Giải thích thứ tư cũng nói không phân biệt, lẽ nào không phân biệt cũng là chương ư? Nhưng giải thích thứ tư lý cũng thông Tiểu thừa, đã không phải là ý của luận, nên cũng không lấy.

Ba là luận ghi: Do lia ngã và ngã sở chấp, đoạn pháp chấp trong pháp đã nghe, đã tư duy.

Giải thích: Tuy lia các nghi nhưng tùy theo chỗ đã nghe hoặc giáo lý v.v... đều chấp có tánh, liền chương ngại Duy thức pháp trí không quán. Vì thế đoạn pháp mới gọi là chân quán.

Bốn là luận ghi: Do hiện tiền trụ an lập trong tất cả tướng không có sở tác ý, sở phân biệt vì đoạn phân biệt”.

Giải thích: Đối với trong tướng an lập hiện tiền này mà không tác ý và lia phân biệt. Nói đoạn phân biệt nhưng thông tất cả pháp phân biệt. Nếu tùy theo phân biệt mà nói là nhấn một vị trí năng quán. Đây tức là thẳng chương. Khi nhập sơ Địa dứt diệt gọi là đoạn.

Hỏi: Vì sao lại cần phải đoạn vị nhấn quán trí phân biệt này?

Đáp: Nhấn này tuy lia năng phân biệt và sở phân biệt nhưng tự có phân biệt vì tế kia chương ngại trí vô phân biệt sơ trụ, vì thế cần phải diệt.

Hỏi: Thế nào gọi là xứ?

Đáp: Xứ nghĩa là xứ sở, tức bốn thứ sở chương. Do bốn chương này làm chương ngại bốn quán hành. Tùy theo chỗ chương kia nên có tên chương. Chương của bốn xứ là Y chủ thích. Hoặc bốn chương này là chỗ trụ của tâm phân biệt. Chương tức là xứ, là Trì nghiệp thích.

Ý ở đây cho rằng, hai chương trước đều nhằm chán hành Tiểu thừa ham thích hành Đại thừa. Hai tướng sau là xả vọng chứng chân, vì thế gọi là chương. Nếu có thể đoạn trí tức quán vô tướng và ba tánh, do

chứng pháp không, chứng không năng sở, đoạn tâm phân biệt. Như bốn trí đoạn bốn chương kia.

Hỏi: Ở địa vị nào đoạn bốn chương?

Đáp: Vị Thập tín đoạn chương đầu tiên, do lia tâm Tiểu thừa, bắt đầu nhập vị Đại thừa Thập tín. Vị Thập giải đoạn chương thứ hai, do đối với pháp Đại thừa lia các nghi hoặc mà được chánh giải tu hành Bồ-tát. Vị Thập hồi hướng cho đến vị Nhẫn đoạn chương thứ ba, do vì quán Biến kế trừ sở chấp. Vị Thế đệ nhất đoạn chương tứ tư, do thứ nhất phân biệt quán trí Gia hạnh dứt diệt, được thành Sơ địa tối thượng giác. Nếu căn cứ tướng vi chánh diệt mà nói thì đoạn phân biệt chương tức ở vị sơ Địa, thành tựu lia chương phân biệt thứ tư này.

Luận dẫn tụng rằng: “Hiện tiền tự nhiên trụ, an lập tất cả tướng, trí đó không phân biệt, được tối thượng Bồ-đề”.

Giải thích: Nói hiện tiền nghĩa là nói chung định và tán hai cảnh, tâm ngay lúc đó gọi là hiện tiền. Tự nhiên trụ là riêng hiển cảnh tán. An lập là nói riêng cảnh định. Tất cả tướng là hiển tướng hai cảnh. Trí đó không phân biệt nghĩa là lia tâm năng thủ. Được tối thượng Bồ-đề là lia chương được quả tức Sơ địa gọi là tối thượng Bồ-đề. Hình ở Địa tiền nên gọi tối thượng. Nói duyên pháp nghĩa, pháp là văn, danh, cú năng thuyên; nghĩa tức là sở thuyên. Vì thế luận Vô Tánh ghi: Tợ văn, tợ nghĩa.

Giải thích: Dường như tướng bên ngoài chuyển mà thật ra chỉ ở bên trong, có giống như không, trong giống như ngoài.

**Luận:** “Noãn v.v... bốn pháp” đến “vị trước sau lập”.

Tâm tư và thật trí hai thứ này là thể Gia hạnh. Xét Nhiếp luận của Vô Tánh quyển 6 ghi: Khi Gia hạnh tuy cầu hành kiến, giả có thật không, phương tiện nhân tướng gọi là tâm tư.

Giải thích: Đứng về ngôi vị để nói hành tướng tâm tư. Suy cầu hành kiến tức trí năng quán. Hành tướng kiến giải gọi là hành kiến. Suy cầu danh nghĩa thấy trên thức giả ngoài tâm thật không có, tức tâm tư này là vị gia hạnh ban đầu tu nhân tướng. Lại nói, rõ biết giả có thật không, sở đắc quyết định hành trí phương tiện quả tướng gọi là Như thật trí.

Giải thích: Quyết định rõ biết danh nghĩa v.v... giả gọi như thật trí, tức vị phương tiện trọn thành gọi là quả.

**Sớ:** Nay ở trong trụ này rất thanh tịnh.

Xét luận kia ghi: Trong vô tướng trụ, bốn thứ tai hoạn nay đều trừ đoạn.

1. Trong vô tướng có Gia hạnh, có sự công dụng.
2. Đối với thanh tịnh trụ ở trước tinh cần ngưỡng mộ.
3. Trong tất cả việc lợi ích cho hữu tình, có sức kham lãnh, siêng năng ngưỡng mộ.
4. Có tướng vi tế hiện trong hành trước.  
Vì thế trụ này gọi là rất thanh tịnh.

Giải thích: Trong Địa thứ bảy còn có pháp chấp, ý trước chấp thanh tịnh kia v.v... siêng năng ngưỡng mộ v.v... vì thế vô sinh nhãn gọi đó là tạp.

**Sớ:** Chẳng phải tâm tư cùng với tâm tương ứng.

Chẳng phải bốn thứ tâm tư cùng với tâm trong bất định tương ứng, cho nên được tên tâm. Nếu tâm tương ứng mới được gọi tâm tư. Tâm tư không tương ứng Đệ tứ thiền. Trong Đệ tứ thiền không có pháp thể của tâm trong Bất định.

**Sớ:** Tám thứ tà.

Như trước đã dẫn.

**Sớ:** Y danh nêu bày việc bên ngoài.

Danh sở thuyên nêu bày việc ngoài thức.

**Luận:** “Y ấn thuận định” đến “gọi là Thuận lạc nhãn”.

Sớ có hai giải thích. Có nghĩa gạn hỏi giải thích sau rằng: Nếu ấn năng thủ không tùy theo quán sát thuận, thông nhãn trên, lẽ ra ấn sở thủ không có, cũng thuận quán thuận kia thông nhãn dưới, vì lý đều đồng. Nhãn dưới do ấn đã không gọi là thuận, nhãn trên cũng ấn, vì sao có tên thuận? Vì thế nay giải thích thuận chỉ ở trung nhãn. Nhãn trên như ở sau chỉ gọi là Ấn nhãn.

**Biện rằng:** Căn cứ theo văn, hiển bày sơ lược, có nghĩa thù thắng, sau tổng nhiếp nghĩa, giải thích văn Bản tụng mà nói ba nhãn ấn năng thủ và sở thủ. Trước sau hai nhãn đều không có chữ “thuận”. Nếu bàn cùng tột lý thì sớ cũng không có lỗi. Ban đầu nhãn chưa tu thuận không năng thủ, nên không lập tên thuận. Sau thuận quán kia, cho nên có thuận. Trong phần Nhiếp nghĩa ở sau nêu đoạn giữa hiển đoạn sau, do văn tóm lược mà thôi. Nay thêm một giải thích. Thuận thông hai thứ đầu. Ban đầu nhãn tuy chưa tu không có năng thủ, ấn sở thủ không có tức là thuận không có nghĩa năng thủ. Năng thủ và sở thủ đối đãi nhau mà lập. Vì thế luận tổng kết: Ấn trước thuận sau lập tên ấn thuận. Nhãn trên đã ấn, không thể nói thuận. Văn sau hiển rõ. Nhưng chặng giữa nói thuận cũng không trái nhau.

**Luận:** Trong pháp Dị sinh đây là tối thắng.

Chỉ có phàm hương đến Thánh mới có thể như chỗ đã nói. Bậc Thánh hồi tâm, quy hương Đại thừa, đối với đây vì sao nói Dị sinh là thứ nhất? Đáp: Thánh hồi tâm hương đến tức thuộc về câu “đồng thời”. Đại thừa Dị sinh tánh chướng chưa đoạn, do đây cũng được gọi là thứ nhất.

**Sớ:** “Nghĩa là có tùy miên” đến “không có tánh kham nhận”.

Đây là hiển rõ lậu sở đoạn, chỗ ở của A-la-hán để nói về thể. Phàm phu và Hữu học năm ấm là giả gọi là có Tùy miên. Có thức thân tức có thân tùy miên. Lậu như thuốc độc, khiến cho thân không an, không có tánh kham nhận. Tùy theo thí dụ mà gọi.

**Sớ:** “Khi Tùy miên đoạn” đến “đều được kém cõi”.

Đây là khí phần của phiền não lậu độc. Do vì độc mà có tên sở phát v.v... Từ vô thỉ mà có, nên gọi là vốn được. Không an ổn v.v... đồng phiền não trước gọi là tương tự nó. Do độc xưa trừ cho nên phát khí chỉ được kém cõi.

**Sớ:** Đối Pháp quyển 14 có hai mươi bốn thô trọng.

Nghĩa là biến hành, hý luận thô trọng, chấp tập khí các pháp như nhân v.v... Lãnh thọ là Hữu lậu các thọ tập khí. Phiền não là phiền não tùy miên. Nghiệp là tập khí nghiệp Hữu lậu. Dị thực là Dị thực không có tánh kham thọ. Phiền não chướng là tánh phiền não khi mạnh. Nghiệp chướng là vô gián nghiệp v.v... các tánh. Dị thực chướng là tự thể của Na-lạc-ca v.v... Cái là có thể chướng thiện phẩm, dục tham v.v... các tánh. Tâm tư là có chướng sự ưa thích tâm tư của người xuất gia. Ẩm thực là ăn nhiều ít đối với phương tiện tu hành không có tánh kham nhận. Giao hội là hai hình giao nhau thân tâm mỗi một, tổn hại tánh. Mộng là trong khi ngủ say phát ra, thân hôn mê liệt tánh. Bệnh là các đại hồ tương trái, tánh không ổn. Lão là đại chủng suy biến mà có thân già, tánh không tùy chuyển. Tử là khi lâm chung, tánh các căn loạn. Lao quyện là đi xa v.v... thân thể mỗi một, tánh mê mờ. Kiên cố là không có pháp Niết-bàn, như sở ứng kia tất cả tánh hý luận v.v... Tế nghĩa là ba tế trong thô, là tất cả thô trọng của ba cõi. Phiền não chướng là sở trị Bồ-đề của hàng Nhị thừa. Định chướng là công đức sở trị do chín định phát ra. Sở trị chướng là sở trị của tất cả trí tánh. Sau mỗi loại đều có chữ “thô trọng”, nay tỉnh lược bớt. Tổng hợp giải thích các văn như trong Nghĩa Đăng có biện đủ.

**Luận:** Chẳng phải như Nhị thừa chỉ quán An lập.

Sớ có hai giải thích, không xác quyết hơn kém. Nay xem hai giải thích lý vẫn khó hiểu, vì sao vậy? Tam thừa chân kiến đều không an lập. Vì sao Nhị thừa phương tiện an lập dẫn không an lập? Như ở trước không thừa nhận dùng chấp dẫn dắt Không vì dị loại. Nếu thừa nhận tác

giả thì lại trái với văn này.

Đáp: Nhân thân của Dị loại lý thật ra chưa được. Tướng tăng thượng phát thô dẫn diệu sinh, đối với lý có lỗi gì? Như Hữu lậu và Vô lậu thừa nhận dẫn dắt nhau. Vì thế Luận Du-già quyển 73 ghi:

Hỏi: Như trước không có, biết trí vô tướng, do không có nên cũng không huân tập. Đã không có nhân kia thì lẽ ra không được sinh ư?

Đáp: Có tướng cũng được làm nhân không tướng, vì tùy thuận nó. Như trí thế gian làm duyên sinh trí xuất thế gian. Trí Hữu lậu làm duyên sinh trí Vô lậu. Định hữu tâm làm duyên sinh định vô tâm. Đây cũng như vậy. Nay dùng an lập dẫn phi an lập cũng nào có sai lý. Nhưng an lập quán vốn mong đoạn hoặc chứng lý Vô vi. Có thể ít phục hoặc cũng được gọi là thuận Phi an lập. Lại các loại khác không phải một, Niết-bàn, Thắng Man v.v... đều nói vô tác. Tứ đế không phải là sở tri của Nhị thừa. Hoặc Nhị thừa ngu pháp và bất ngu pháp hai hạng không đồng. Đầu tiên không thể làm, sau thừa nhận tu. Kinh và luận y theo trước nên nói không làm, lẽ ra cũng không có lỗi.

**Sớ:** Một là y phi y.

Nghĩa là tư hiện quán chỉ ở Dục giới vì thế không nương theo tám định gọi là y phi y. Năm phần còn lại thông nương theo tám định địa, căn cứ tu đạo mà nói. Lại ba nương theo năm, ba phần này ban đầu sinh nương nơi kiến đạo. Tứ thiền căn bản và một chưa được gọi là năm y, kiến đạo quyền thuộc tín cũng gọi năm y. Tín hiện quán còn lại thì không như vậy, nên nói là một phần.

**Sớ:** “Nay” đến “tu đều duyên khắp”.

Kia là sở tu trí chủng thế tục, đến vị tu đạo đều năng sinh hiện duyên khắp các pháp, không đồng như Hữu tông rốt ráo không khởi. Vì thế quyển 69 ghi: Khi chứng được kiến đạo tức trí thế tục tu thiện có được chủng tử, do huân tu kia đều được thanh tịnh cũng gọi là tu.

Giải thích: Do nhập kiến đạo đoạn nhiễm ô. Vì thế chủng tử thế tục là một phần pháp có thể làm ô nhiễm gọi là thanh tịnh. Căn cứ thanh tịnh này nên gọi là tu.

Lại nói, các trí thế tục phát kiến đạo rồi, sinh khởi trí này chứng kiến ở đoạn các pháp giải thoát, khéo phân biệt đúng không tùy theo đường ác, lại có thể rõ biết được quả Dự lưu đã đoạn. Như vậy tất cả phiền não là tha ký biệt.

Giải thích: Đây đều là bàng tu trí năng thế tục, không nói Hậu đắc trí Vô lậu.

**Sớ:** Lại quyển 96.

Xét luận kia ghi: Lại đối với vị kiến đạo, khi bắt đầu trí sinh, các trí khác do năng sinh duyên nhiếp thọ, vì thế đều được tăng trưởng. Tất cả kiến đạo tức trong sát-na này đều gọi là được. Đối với đây sau khi đã chứng đắc lần lần thứ lớp hiện tiền, phải biết kiến đạo là vị mau chóng.

Giải thích: Mười sáu trí của vị kiến đạo, trí đầu tiên sinh, mười lăm trí còn lại vốn có chủng tử, nhưng tăng trưởng nên đều gọi là được. Do trí đầu tiên làm sinh duyên nhiếp thọ. Đã nói tất cả rõ ràng Vô sắc giới Vô lậu kiến chủng, lúc này cũng tăng gọi là tu Vô sắc, đối với lý không trái.

**Sớ:** “Nếu tự tại được trước” đến “như loại trí duyên”

Xét luận kia ghi:

Hỏi: Tất cả trí khi hiện tiền đều biết rõ sắc và Vô sắc giới ư?

Đáp: Nếu có hợp với các pháp đã có ở sắc và Vô sắc giới, khéo nghe khéo tư duy, khéo lấy tướng tức là có thể rõ biết. Nếu không như vậy thì không thể liễu biệt.

Giải thích: Trí có hai là chân trí và tục trí. Nay ở đây đứng về tục trí mà nói. Nếu chân trí thì nhất định duyên ở trên, như Đế trên dưới tám loại trí. Đã khéo tu tập thì có thể rõ đối với trên. Nói tự tại thiện cũng có thể tu thượng, vì đều từng được.

**Luận:** “Nếu không có tướng kia” đến “trí của danh thanh”.

Sớ có lượng phá. Có nghĩa nói tác này lập nhân cũng không có đồng dụ, chỉ nên trách thẳng không cần lập lượng.

**Biện rằng:** Lập lượng trách thẳng, lý đều vận hỏi tướng tận, vì sao như vậy? Sự trước chỉ nói trí vô phân biệt không có tướng phần, không nói không có phần khác, vì sao được dùng trí ở cõi sắc và cõi Vô sắc mà lập lượng thẳng trách? Nay dùng lý chuẩn theo văn thiếu một lần vận hỏi và đáp. Vận hỏi rằng: Trừ trí vô phân biệt, tất cả tâm khác khi duyên cảnh lẽ ra không có tướng phần, gọi là duyên cảnh, như trí vô phân biệt của ông khi duyên cảnh hay sao? Sự trước đáp: Giả sử như vậy, cũng đâu có lỗi. Vì thế luận ghi: Nếu không có tướng kia gọi là duyên nó v.v... Vận hỏi trí của sắc v.v... triển chuyển thành lập chân kiến có tướng, luận không nói là vì khéo lược văn khiến sinh trí sau. Vận hỏi trí của sắc v.v... nay lập lượng rằng: Trí duyên sắc của ông, có thể duyên thanh v.v... thừa nhận không coa các tướng như thanh v.v... Như trí duyên thanh v.v... lượng khác có thể biết. Có nghĩa xác quyết rằng lượng này không đồng dụ, chân tự có thể biết.

**Luận:** Nói vô tướng lấy vì không lấy tướng.



Xét quyển 73 ghi:

Hỏi: Đối với vô tướng giới, hoặc lấy tướng kia không lấy vô tướng. Nếu không có chỗ lấy thì cũng không được thành lấy vô tướng. Nếu như vậy vì sao gọi vô tướng lấy?

Đáp: Không nói tùy miên vì đã xa lìa. Lấy đây tuy lại lấy vô tướng giới, không lấy tướng cho nên thành vô tướng lấy.

Hỏi: Nếu không cấu hoặc vì sao thành lấy?

Đáp: Tuy không cấu hoặc tướng sai biệt nhưng có chỗ tăng ích. Nhưng lấy vô tướng, cho nên thành lấy.

Hỏi: Nếu không cấu hoặc không chỗ tăng ích. Lấy này tướng trạng vì sao biết được?

Đáp: Lấy Thắng nghĩa cho nên lấy vô tướng. Năm thứ sự tướng đều không hiển hiện cho là tướng kia.

Hỏi: Nếu không phân rõ có thể lập làm thủ, vì sao không thừa nhận các thủ diệt không?

Đáp: Vì diệt không, không có nghĩa tu tác. Người không tu quán nương nơi diệt không, có chỗ tu tác tướng biết nó.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao chứng?

Đáp: Từ sở chứng tri của trí nội chứng.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao không như sở chứng kia mà ký biệt như vậy?

Đáp: Trí nội chứng này không phải chỗ an lập của các danh ngôn.

**Luận:** Một là quán phi an lập có ba phẩm tâm.

Có nghĩa nay nói, ba tâm là phi an lập, là đối mười sáu tâm. Nếu đối một tâm vô tướng kiến đạo cũng gọi là an lập. Bốn Thắng nghĩa trong hai Chân như thuộc tâm thứ ba.

**Biện rằng:** Tuy có lý nhưng trong các giáo đều không nói chỗ an lập này. Vì thế, biết an lập chỉ nương bốn đế sai biệt quán mà nói, cùng với Thắng nghĩa lập có chỗ không đồng, không thể làm thí dụ. Nên luận Đối Pháp quyển 9 ghi: An lập nghĩa là Thanh văn tùy sở chứng của tự mình rồi đã được rớt ráo, vì muốn cho người khác cũng được liễu tri. Do Hậu đắc trí dùng vô lượng danh, cú, văn, thân mà an lập đạo đế, nghĩa là trong các Đế có nhãn như vậy như vậy, có trí như vậy như vậy, chỉ đứng về bốn đế mà biện an lập vậy.

**Luận:** Trong trừ hữu tình giả duyên trí.

Nói trong, trong truyện có hai giải thích.

1. Như trong sở nói tự thân gọi là trong. Vì thế luận Đối Pháp ghi:



Vì sao bỏ hữu tình giả trí ở duyên pháp làm tướng? Do tướng của trí này đối trong tự tướng tục có ngã tướng không phân biệt. Không phân biệt là nghĩa trừ bỏ. Vì sao bỏ pháp giả trí ở duyên pháp làm tướng? Do trí này đối trong sự tướng tục không có tướng phân biệt sắc v.v... các pháp. Còn lại giống như trước, vì thế biết trong là căn cứ tự thân mà nói.

2. Đứng về giới để biện trong ngoài. Ban đầu bỏ sự tha hữu tình giả ở Dục giới. Thứ hai bỏ tự tha pháp giả ở Dục giới. Đồng ở Dục giới nói trong, dụ như trong người thông tự và tha đều gọi là trong. Thứ ba bỏ hết, ngã pháp hai giả ở cõi trên đều bỏ hết nên nói bỏ hết.

**Biện rằng:** Lý sau tuy thông nhưng không có chứng cứ. Nay y theo thuyết ban đầu.

**Luận:** “Pháp chân kiến đạo” đến “gọi là tướng kiến đạo”.

Hỏi: Chân giải thoát đạo đã không đoạn hoặc, vì sao gọi là pháp thứ ba đối với nó trừ hết tùy miên?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Nay đã giả nói không có thật đoạn chứng, vì thế không nên trách.

2. Tuy không đoạn chủng trừ thô trọng, nhưng trừ tùy miên cũng đâu trái lý.

**Biện rằng:** Thuyết sau lẽ ra trội hơn. Phàm nói pháp là nghĩa tự. Sở pháp đã không thì năng pháp làm gì có. Tuy biết giả nói cũng giả tự chân. Do từ thô trọng tự như là kia đoạn chủng. Giả nói trừ hoặc, vì thế thuyết sau hay hơn.

**Sớ:** “Do tự chứng phần thể nghĩa sai khác”.

Hỏi: Hữu vi và Vô vi khác nhau, vì sao nói là không khác?

Đáp: Không có năng duyên và sở duyên sai khác. Do tự chứng phần tuy là năng duyên, không phải là năng duyên của Vô vi pháp, vì thế nói không khác.

**Sớ:** Nhẫn khổ pháp trí trước.

Nhẫn là ấn nhẫn. Nhẫn trí trong vị Gia hạnh, do trí này thông duyên hai cảnh: một là duyên trí Gia hạnh, hai là duyên chân kiến sở quán Chân như, Chân như cực thành. Vì thế, số không nói chỉ nói trí nhẫn. Có nghĩa gạn hỏi: Nhưng trí nhẫn này đã không duyên trí, vì sao nói nhẫn pháp trí trước? Cho nên chỉ nói hiện chứng Chân như gọi là nhẫn.

**Biện rằng:** Không trái, như trong Nghĩa Đăng có dẫn đủ lý giáo. Nhưng nói trí nhẫn hoặc từ nhân mà có tên, hoặc từ quả mà gọi, đều có đủ trong Nghĩa Đăng.

**Luận:** Khổ loại trí nhãn.

Đây tức là hai chứng nhãn trước và trí, nên luận Đối Pháp ghi: Khổ loại trí nhãn, nghĩa là trí khổ pháp vô gián Vô lậu tuệ sinh. Đối với trí nhãn khổ pháp và trí khổ pháp đều riêng nội chứng. Nói các Thánh pháp sau đều là chủng loại này, vì sao vậy? Do hai loại đều là tất cả chủng loại Thánh pháp sau, vì từ đây mà kia được sinh. Vì thế Vô lậu tuệ sinh đều riêng nội tướng, duyên này làm cảnh. Nói các Thánh pháp sau đều là chủng loại này, vì thế cho nên gọi là khổ loại trí nhãn.

Giải thích: Hai trí nhãn đều là chủng loại Thánh đạo sở sinh sau, gọi là khổ loại. Trí duyên nhãn này gọi đó là nhãn. Hoặc các Thánh đạo sở sinh sau là chủng loại trước nên gọi đó là duyên.

**Luận:** Bốn khổ loại trí.

Tức duyên loại nhãn thứ ba làm cảnh. Hoặc cũng duyên pháp nhãn trí trước, tức là ấn loại sở duyên, không duyên loại nhãn gọi là ấn loại nhãn.

**Luận:** Pháp chân cụ đạo.

Sớ có hai giải thích. Có nghĩa, trước giải thích rằng, luận này và luận Đối Pháp đều nói loại Nhãn đối với trí pháp nhãn đều nội chứng khác nhau, tức gồm hai tự chứng phần là vô gián và giải thoát. Lại nói, loại trí ấn có thể là loại nhãn, không nói loại trí riêng chứng pháp trí, vì sao nói pháp chân kiến đạo giải thoát tự chứng? Nay có hai giải thích:

1. Pháp nhãn trí nhãn khác với pháp chân kiến vô gián và giải thoát kiến phần duyên Chân như. Loại nhãn gồm pháp vô gián và giải thoát tự chứng phần duyên trí. Nhưng chưa quyết định loại trí trọng pháp, trở lại quyết ấn trì, cũng đồng hai tự chứng phần của pháp loại nhãn.

2. Ba loại trước giống như trước, loại thứ tư đã nói ấn khả loại nhãn, do đây gồm pháp vô gián và giải thoát chứng tự chứng phần duyên tự chứng phần. Trong hai đạo tự chứng duyên kiến phần, thứ tư duyên thứ ba. Nay loại trí nhãn đã là pháp tự chứng, thứ tư duyên nhãn nói pháp chứng tự chứng phần của hai đạo, chỉ nói pháp kiến và tự chứng là lược không luận đến, nghĩa cũng như vậy.

**Biện rằng:** Nhưng nói pháp là chỉ nói chân kiến duyên trí Chân như. Riêng không căn cứ hình tướng sai biệt kia, do vì trong chân kiến không có hành riêng. Phần thứ ba tuy chỉ chứng hai trí trước. Phần thứ tư cũng vậy, hoặc duyên phần thứ ba.

Nhưng trí này duyên với trí, căn cứ một bên này riêng nói hai đạo, không căn cứ và giải thích hành thứ ba, thứ tư để phân chia, vì thế cũng không có lỗi, nên luận kết rằng kiến lập sai biệt gọi là tướng kiến đạo.

Hoặc phần ba bốn đều đủ hai pháp tự chứng phần của hai đạo trước, nghĩa sau khác mà không hiển rõ. Nếu pháp chứng tự chứng phần của hai đạo có lý mà không có văn, hoặc cũng không có lỗi, vì văn lược mà thôi.

**Sớ:** Lại giải thích tổng pháp này.

Hễ pháp duyên trí Chân như, không phân kiến phần và tự chứng phần của hai đạo, gọi là tổng pháp.

**Sớ:** Tuy duyên trí, duyên Chân như không đồng kiến phần là một.

Nghĩa là hai trí chân vô gián và giải thoát đều duyên Chân như, loại nhân duyên trí, căn cứ kiến phần năng duyên, nên hợp pháp.

**Luận:** Hai loại ấy nương quán đế trên dưới.

Xét trong quyển 55 ghi: Hiện quán biên trí để hiện quán, phải biết trí này tâm thứ ba vô gián từ kiến đạo khởi mới hiện tiền. Duyên thế trí trước sở quán sát. Hai địa trên dưới hai tầng thượng an lập đế cảnh. Tự như pháp loại trí và thế tục trí nhiếp, thông thế và xuất thế. Đây là trí xuất thế gian sau mới được. Như thứ lớp kia, mỗi mỗi Đế có hai thứ chủng trí sinh, đó là Nhân khả dục lạc trí và Hiện quán quyết định trí. Như vậy từ Hiện tiền quán khởi rồi đối trong trên dưới các Đế hai trí sinh.

Giải thích: Duyên đời trước, lược có hai cách giải thích:

1. Duyên kiến đạo, trước hợp sở quán sát, dưới là Dục giới địa, trên là hai sắc và sắc giới. Phiền não tức là khổ đế và Tập đế. Hai tầng thượng tức đế là diệt và đạo hai an lập cảnh đó.

2. Duyên chân kiến trước gọi là quán sát, do chân kiến duyên Địa trên dưới và tất cả tầng thượng an lập tứ Đế cho đó là cảnh.

Nói vô gián thứ ba, tâm thứ ba trong ba tâm kiến đạo sau khởi mười sáu quán gọi là vô gián thứ ba. Văn khác có thể biết. Lại xét luận Hiển Dương quyển 17 ghi: Tứ đế hiện quán này trở lên, đối vị tu đạo có mười sáu hành trí thanh tịnh thế và xuất thế gian sinh, nghĩa là đối Dục ràng buộc và khổ đế sinh hai trí, một là Hiện quán thẩm sát trí, hai là Hiện quán quyết định trí. Đối với khổ đế và dục trói buộc ở cõi sắc và Vô sắc cũng có hai trí như vậy. Trong khổ đế này có bốn trí, như vậy đối với Tập đế, Diệt đế, Đạo đế cũng đều có bốn đế.

Giải thích: Bốn đế hai trí đồng quyển 55 giải thích, Kiến đạo và tu đạo vị riêng như trong Nghĩa Đăng tổng hợp.

**Luận:** “Các tướng kiến đạo” đến vì chân đã đoạn”.

Đây là văn trái nhau. Trong quyển 55 ghi: Thế đệ nhất vô gián

có ba tâm sinh đoạn kiến sở đoạn. Luận Hiển Dương quyển 17 ghi: Từ pháp vô gián thứ nhất có ba tâm sinh. Đoạn kiến sở đoạn một trăm hai mươi phiền não. Luận Đối Pháp ghi: Thế đệ nhất pháp vô gián, khổ pháp trí nhãn v.v... sinh, do tuệ này hằng xả kiến khổ sở đoạn tất cả phiền não. Những đoạn văn này đều nương chân mà giả nói. Luận Đối Pháp tổng hợp: Lại như trước nói kiến đạo sai biệt đều giả kiến lập, không phải chân thật như vậy, vì sao? Vì trong xuất thế trụ nội chứng khác nhau, vì lìa hý luận.

**Sớ:** Nhân của phi an lập không khắp ba tâm.

Tướng phần và kiến phần của ba tâm phi an lập nên không được dùng nhân của phi an lập để chứng ba tâm không phải chân kiến đạo.

**Sớ:** “Luận Phật Địa” đến “nghĩa của hai sư”.

Sư thứ nhất đồng như sư thứ hai. Hai sư sau đồng sư thứ ba này. Hai sư kia tổng nói Vô lậu trí có kiến phần và tướng phần. Sư thứ ba nói Căn bản trí không có Hậu đắc trí, thừa nhận có nên thành hai cách khác nhau.

**Luận:** Lại nói trí này phân biệt các pháp.

Xét luận Phật Địa, sư thứ ba nói: Trí Vô lậu vô phân biệt tương ưng tâm phẩm vô phân biệt, vì sở duyên Chân như không lìa thể, như chiếu tự thể không có tướng phần khác. Nếu Hậu đắc trí tương ưng tâm phẩm có phân biệt vì sở duyên cảnh giới lìa chân, như tâm Hữu lậu tự như cảnh tướng hiện rõ duyên chiếu. Nếu tâm Vô lậu duyên thì lìa thể, cảnh không tự như tướng kia mà được duyên. Luận Quán Sở Duyên không nói trên năm thức không có tướng tự cực vi nên không có sở duyên. Cảnh tướng như vậy đồng tâm Vô lậu, chủng tử Vô lậu khởi. Tuy có pháp tướng tự Hữu lậu nhưng chẳng phải Hữu lậu, như tâm Hữu lậu tướng tự tướng Vô lậu nhưng chẳng phải là Vô lậu.

**Luận:** Sáu hiện quán.

Hiện quán sai biệt trong các luận đã nói rộng như chương đã nêu. Luận Đối Pháp và Hiển Dương nói mười và mười tám nay lược dẫn. Luận Đối Pháp quyển 13 ghi: Kiến lập hiện quán lược có mười loại:

1. Pháp hiện quán: Do trong các đế tăng thượng trong Khế kinh v.v... từ sức tăng thượng nghe âm thanh khác đã được sau cùng thuận giải thoát phần thiện căn nhiếp thượng phẩm thanh tín thắng giải. Do pháp mà được nên gọi là Pháp hiện quán.

2. Nghĩa hiện quán: Do đối với pháp tăng thượng phẩm Đế trên, sức tăng thượng như lý tác ý đối với khổ đế v.v... đã được sau cùng thuận quyết trạch phần thiện căn nhiếp thượng phẩm đế, sát pháp nhãn.

3. Chân hiện quán: Đã được kiến đạo mười sáu sát-na tất cả Thánh đạo, lại trong Kiến đạo được Hiện quán an lập để thế tục trí.

4. Hậu hiện quán: Tất cả tu đạo, do sau thấy tất cả đạo thế gian và đạo xuất thế gian đều gọi là Hậu Hiện quán.

5. Bảo hiện quán: Do đệ tử của Phật Thánh đối với Tam bảo đã được quyết định chứng thanh tịnh tín. Nghĩa là Đức Phật là chân Chánh đẳng giác. Pháp Tỳ-nại-da là chân thiện diệu pháp, chúng đệ tử của Phật là chân tịnh hành.

6. Bất hành hiện quán: Đã chứng được giới và luật nghi mà Thánh ưa thích nhiếp thọ, do được điều này nên đã đối trị Na-lạc-ca, Dị thực v.v... nhất định không hiện hành nữa, hằng dứt không hiện hành nên gọi là Bất hành hiện quán.

7. Cứu cánh hiện quán: Như cứu cánh đạo trong Đạo đế, nghĩa là đã dứt tất cả thô trọng rồi, được lìa tất cả sự ràng buộc mà được như vậy.

8. Thanh văn hiện quán: Tức bảy thứ hiện quán đã nói trước, từ người khác nghe âm thanh mà chứng được gọi là Thanh văn hiện quán.

9. Độc giác hiện quán: Từ bảy thứ hiện quán trước, không do âm thanh mà chứng được nên gọi là Độc giác hiện quán.

10. Bồ-tát hiện quán: Các vị Bồ-tát đối với bảy thứ hiện quán trước thương tiếc chúng sinh không đối với hạ thừa mà xuất ly. Nhưng Bồ-tát Cực hỷ địa nhập Bồ-tát chánh tánh quyết định gọi là Bồ-tát Hiện quán.

Lại xét trong Luận Hiển Dương quyển 17 ghi: Lại hiện quán này sai biệt có mười tám thứ, đó là:

1. Trí do nghe sinh ra
2. Trí do tư duy sinh ra
3. Trí do tu sinh ra
4. Thuận quyết trạch phần trí
5. Kiến đạo
6. Tu đạo
7. Cứu cánh đạo
8. Trí thế tục thanh tịnh bất thiện
9. Trí thế tục thanh tịnh thiện
10. Thắng nghĩa trí
11. Trí hữu phân biệt bất thiện thanh tịnh hành
12. Trí hữu phân biệt thiện thanh tịnh hành

13. Trí vô phân biệt thiện thanh tịnh hành
14. Thành sở tác tiền hành trí
15. Thành sở tác trí
16. Thành sở tác hậu trí
17. Thanh văn trí
18. Bồ-tát trí

Trong truyện giải thích: Ba trí đầu trong vị tứ lương có ba tuệ như thứ lớp, trí thứ tư như trên tên gọi, trí thứ tám tức Thuận giải thoát phần, vì chưa có thể khéo hiểu lý bốn Đế. Trí thứ chín tức Thuận quyết trạch phần khéo hiểu lý bốn Đế. Trí thứ mười tức vị kiến đạo, tu đạo và Vô học. Trí thứ mười một tức trí cõi Dục. Trí thứ mười hai là tu tuệ ở cõi sắc và Vô sắc. Trí thứ mười ba tức kiến đạo, tu đạo, cứu cánh đạo duyên Phi an lập trí. Trí thứ mười bốn, mười lăm, mười sáu như thứ lớp Gia hạnh, chánh thể, Hậu đắc trí. Trí thứ mười bảy là tất cả hiện quán của Thanh văn. Trí thứ mười tám là các trí hiện quán của Bồ-tát.

Lại y theo luận kia quyển 14 giải thích chín trí rằng: Bất thiện thanh tịnh thế tục trí tức là Thuận quyết trạch phần trí. Thiện thanh tịnh thế tục trí là xuất thế Hậu đắc trí thế gian trí. Thắng nghĩa trí là kiến đạo trí. Lại Bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí, Thiện thanh tịnh hữu tướng phân biệt trí, Thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí. Lại Thành trở tác tiền hành trí, Thành sở tác trí, Thành sở tác hậu trí.

Nói ba loại trước sai biệt nghĩa là, chưa đoạn phiền não sinh phi phiền não đối trị, đã đoạn phiền não sinh phi phiền não đối trị, đã đoạn phiền não sinh thị phiền não đối trị. Ba loại giữa sai biệt, tức ba thứ này do có phân biệt, không phân biệt, thế tục và Thắng nghĩa trí tánh sai biệt. Nói ba trí sau sai biệt, là ba thứ này hiển bày trước đoạn, đang đoạn và hậu trí tánh sai biệt. Nay văn của luận kia phối vị là chính.

Lại xét trong Nhiếp luận quyển 6 nói sáu hiện tướng. Đại thừa Tiểu thừa có mười một thứ sai khác không đồng, vì thế bản luận ghi: Bồ-tát hiện quán cùng Thanh văn khác nhau, do mười một thứ sai biệt, nên biết.

1. Sở duyên sai biệt, vì pháp Đại thừa làm sở duyên.
2. Tư trì sai biệt, vì hai thứ tư lương đại phước trí làm tư trì.
3. Thông đạt sai biệt, vì có thể thông đạt Bồ-đặc-già-la và pháp vô ngã.
4. Niết-bàn sai biệt, vì nhiếp thọ vô trụ đại Niết-bàn.
5. Địa sai biệt, vì y vị Thập địa mà xuất ly.
- 6, 7. Thanh tịnh sai biệt vì đoạn phiền não, tu tịnh cõi Phật.

8. Tự tha bình đẳng tâm sai biệt, vì thanh tịnh hữu tình Gia hạnh không thôi dứt.

9. Sinh sai biệt, vì sinh vào nhà Như Lai.

10. Ái sinh sai biệt, thường ở trong hội chư Phật nhiếp thọ sinh.

11. Quả sai biệt: Mười lực, bốn vô úy, mười tám pháp bất cộng, vô lượng công đức quả thành tựu viên mãn.

**Luận:** Được các bình đẳng.

Nhiếp luận của Vô Tánh quyển 6 ghi: Được hữu tình bình đẳng tâm tánh, vì thấy khắp tất cả đều vô ngã.

Có thuyết nói: Tất cả các pháp đều là Như lai tạng, được tất cả tâm tánh bình đẳng của Bồ-tát vì được tánh ý lạc bình đẳng kia; được tất cả tâm tánh bình đẳng của Đức Phật, vì được tánh pháp thân bình đẳng. Trong kinh Phật Địa có mười thứ bình đẳng, như ở trước đã dẫn.

**Sớ:** Mười thứ phát tâm.

Kinh luận đã dẫn văn rất nhiều, nên ở đây không dẫn nữa.

**Sớ:** Lại khởi thức A-lại-da y tha tánh quán.

Xét quyển quyển 51 ghi: Thức A-lại-da căn bản tạp nhiễm này, nhờ tu thiện pháp nên mới được chuyển thức. Tu thiện pháp này, nếu các Dị sinh dùng duyên chuyển thức là cảnh tác ý. Phương tiện trụ tâm có thể nhập tối sơ thánh đế hiện quán, chẳng phải chưa kiến đế, nghĩa là trong các đế chưa được pháp nhãn, liền có thể thông suốt tất cả chủng tử thức A-lại-da. Chưa kiến Đế, nghĩa là tu hành như đây rồi, hoặc nhập Thanh văn chánh tánh ly sinh, hoặc nhập Bồ-tát chánh tánh ly sinh, thông đạt tất cả pháp chân pháp giới rồi, cũng có thể thông suốt thức A-lại-da. Lúc bấy giờ có thể tổng quán sát tất cả tạp nhiễm có bên trong, cũng có thể rõ biết, bên ngoài thân bị tướng trói buộc ràng buộc, bên trong bị thô trọng ràng buộc.

Giải thích: Tư lương, Gia hạnh, Dị sinh duyên chuyển thức nhãn v.v... đây có hai nghĩa:

1. Nói chung cho ba Thừa, lý thật Đại thừa cũng duyên Thức thứ tám làm Duy thức quán.

2. Đối chất cảnh và Độc cảnh không đồng, A-lại-da là đối chất cảnh, Chuyển thức là Độc ảnh cảnh, ẩn Đối chất bản Độc ảnh nên nói duyên chuyển thức.

Hỏi: Nhị thừa vì sao có thể quán A-lại-da mà nói nhập Thanh văn chánh tánh ly sinh, thông suốt A-lại-da?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Căn cứ Bất định Thanh văn tánh căn thuần thực mà nói, họ



nhập tự kiến, sau đó hồi nhập Đại thừa có thể thông suốt A-lại-da. Định tánh cũng vậy.

2. Đứng về chủng tử A-lại-da mà nói, ba Thừa đều khéo biết khổ đoạn tập. Rộng như luận Du-già sao giải thích.

